

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

=====

DỰ ÁN CẢI THIỆN NÔNG NGHIỆP CÓ TƯỚI (VIAIP)

KHUNG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMPF)

Địa điểm thực hiện Dự án:

**HÀ GIANG, PHÚ THỌ, HÒA BÌNH, THANH HÓA, HÀ TĨNH,
QUẢNG TRỊ VÀ QUẢNG NAM**

Chuẩn bị bởi

Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi (CPO)

23 Hàng Tre, Hà Nội

Việt Nam

Hà Nội, Tháng 6/2013

LỜI NÓI ĐẦU

Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) này tuân thủ Chính sách về người dân tộc thiểu số của Ngân hàng Thế giới (OP4.10) sẽ được áp dụng cho tất cả các tiêu dự án, thuộc Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới, nơi có người dân tộc thiểu số đang sinh sống. Mục tiêu của EMPF là để tránh những tác động tiêu cực tới các Dân tộc thiểu số, đảm bảo lợi ích và cung cấp cho họ các lợi ích của dự án phù hợp với văn hóa của họ.

Chính sách về người dân tộc thiểu số nhận diện những bối cảnh riêng biệt khiến các Dân tộc thiểu số (DTTS) đứng trước nhiều loại rủi ro và ảnh hưởng khác nhau từ các dự án phát triển. Với tư cách là các nhóm xã hội với những đặc điểm thường khác so với các nhóm chiếm ưu thế trong xã hội của họ, các Dân tộc thiểu số thường là những thành phần yếu thế và dễ bị tổn thương nhất. Tình trạng kinh tế, xã hội, và pháp lý của họ thường khiến họ bị hạn chế về khả năng bảo vệ các quyền về đất, lãnh thổ, và những nguồn sản xuất khác, đồng thời hạn chế khả năng tham gia và hưởng lợi của họ trong phát triển. Do đó, EMPF được chuẩn bị dựa trên kết quả đánh giá xã hội vùng dự án và tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin dự án với các cộng đồng dân tộc thiểu số đã được thực hiện ở các thôn nơi có người DTTS bị ảnh hưởng tiềm năng bởi dự án đang sinh sống, nhằm đảm bảo rằng tất cả những nhu cầu và mối quan tâm của họ được lồng ghép vào trong các hoạt động dự án và khẳng định sự ủng hộ rộng rãi của họ đối với dự án. EMPF mô tả những yêu cầu chính sách và các quy trình lập kế hoạch mà các cơ quan thực hiện dự án sẽ áp dụng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án.

Trong giai đoạn thực hiện dự án, EMPF sẽ được cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi về chính sách của NHTG. Cần phải tham vấn NHTG về cập nhật và chỉnh sửa EMPF và bản EMPF chỉnh sửa phải được NHTG phê duyệt.

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	4
TÓM TẮT BÁO CÁO.....	6
I. GIỚI THIỆU.....	9
1.1 Mô tả dự án.....	9
1.2 Các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.....	11
1.3 Sàng lọc các dân tộc thiểu số của dự án.....	11
1.4 Mục tiêu của Khung chính sách dân tộc thiểu số.....	12
II. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN CỦA DỰ ÁN TỚI NGƯỜI DTTS.....	13
2.1 Các tác động tích cực.....	13
2.2 Các tác động tiêu cực.....	14
III. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH.....	17
3.1 Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người DTTS.....	17
3.2 Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10).....	19
IV. ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI.....	20
V. KHUNG THAM VẤN VÀ THAM VẤN PHỔ BIẾN THÔNG TIN.....	25
5.1 Quá trình tham vấn.....	25
5.2 Tham vấn người DTTS trong quá trình chuẩn bị dự án.....	25
5.3 Tham vấn người DTTS trong quá trình thực hiện dự án.....	26
5.4 Các nguyên tắc tham gia của người DTTS.....	27
VI. TỔ CHỨC THỂ CHẾ.....	28
6.1 Bố trí tăng cường năng lực.....	28
6.2 Lập kế hoạch phát triển, chuẩn bị và thực hiện EMDP.....	28
VII. CƠ CHẾ KHIẾU KIẾN.....	30
7.1 Những nguyên tắc chính của cơ chế khiếu kiện.....	30
7.2 Cơ chế giải quyết khiếu nại.....	30
VIII. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	33
8.1. Các nguyên tắc.....	33
8.2 Giám sát nội bộ.....	33
8.3. Giám sát và đánh giá độc lập.....	33
IX. TỔ CHỨC PHỔ BIẾN THÔNG TIN.....	38
9.1 Phổ biến thông tin.....	38
9.2 Vấn đề ngôn ngữ.....	38
X. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN.....	39
10.1 Dự kiến kinh phí.....	39
10.2 Nguồn kinh phí.....	39
XI. CÁC PHỤ LỤC: TÓM TẮT THAM VẤN CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	40

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ban QLDA tỉnh	Ban Quản lý dự án tỉnh
Ban TĐC huyện	Ban bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện
Bộ LĐ – TB và XH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
Bộ TC	Bộ Tài chính
CPO	Văn phòng Dự án trung ương
CPVN	Chính phủ Việt Nam
DMS	Kiểm kê chi tiết
DTTS	Dân tộc thiểu số
EMPF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
EMDP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số
Giấy chứng nhận QSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
HH	Hộ gia đình
IOL	Kiểm kê tổn thất
Kế hoạch TĐC	Kế hoạch Tái định cư
NGO	Tổ chức phi chính phủ
Người BAH	Người bị ảnh hưởng
Người DTTS	Người dân tộc thiểu số
NHTG	Ngân hàng Thế giới
OP 4.10	Thủ tục hoạt động về người dân tộc thiểu số
PAD	Các tài liệu thẩm định dự án
Phòng NN&PTNT	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
QLDA	Quản lý dự án
THĐ & TĐC	Thu hồi đất và tái định cư
TDA	Tiểu dự án
TOR	Điều khoản tham chiếu
UBND huyện	Ủy ban Nhân dân huyện
UBND tỉnh	Ủy ban Nhân dân tỉnh
UBND xã	Ủy ban Nhân dân xã
VIAIP	Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới
VND	Việt Nam Đồng

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Tác động dự án

là các tác động tích cực và tiêu cực của tất cả các hoạt động của các hợp phần dự án đến người DTTS. Các tác động tiêu cực thường là hậu quả tức thì của việc thu hồi một mảnh đất hoặc hạn chế việc sử dụng các khu vực được chỉ định hợp pháp hoặc khu vực được bảo tồn. Những người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc thu hồi đất có thể mất nhà, đất trồng trọt/ chăn nuôi, tài sản, hoạt động kinh doanh, hoặc các phương tiện sinh kế khác. Nói một cách khác, họ có thể mất quyền sở hữu, quyền cư trú, hoặc các quyền sử dụng do thu hồi đất hay hạn chế tiếp cận.

Người bị ảnh hưởng

tức là những cá nhân, tổ chức hay cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp về mặt xã hội và kinh tế bởi việc thu hồi đất và các tài sản khác một cách bắt buộc do dự án mà Ngân hàng Thế giới tài trợ gây ra, dẫn đến (i) di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) mất tài sản hoặc sự tiếp cận tài sản; hoặc (iii) mất các nguồn thu nhập hay những phương tiện sinh kế, cho dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển tới nơi khác hay không (những người có sinh kế bị ảnh hưởng tạm thời hoặc vĩnh viễn). Ngoài ra, người bị ảnh hưởng là người hạn chế một cách bắt buộc sự tiếp cận các khu vực được chọn hợp pháp và các khu vực được bảo vệ.

Người bản địa

(tương đương với khái niệm *người dân tộc thiểu số* tại Việt Nam) đề cập tới một nhóm người riêng biệt, dễ bị tổn thương, có đặc điểm xã hội và văn hóa riêng, mang trong mình những đặc tính sau đây, ở nhiều cấp độ khác nhau: (i) tự xác định như là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và đặc tính này được công nhận bởi các nhóm văn hóa khác; (ii) sống thành nhóm gắn với những điểm cư trú riêng biệt về mặt địa lý hoặc trên những vùng đất do ông bà, tổ tiên để lại trong khu vực dự án và sống gắn bó với các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực cư trú và lãnh thổ đó; (iii) các thể chế về văn hóa, xã hội, kinh tế, và chính trị theo tập tục riêng biệt so với những thể chế tương tự của xã hội và nền văn hóa thống lĩnh, và (iv) một ngôn ngữ bản địa riêng, thường khác với ngôn ngữ chính thống của quốc gia hoặc vùng.

Các nhóm dễ bị tổn thương

được định nghĩa là các nhóm đối tượng đặc biệt có khả năng phải chịu tác động không tương xứng hoặc có nguy cơ bị bản cùng hóa hơn nữa do tác động của tái định cư, bao gồm: (i) phụ nữ làm chủ hộ (không có chồng, góa hay chồng mất sức lao động) có người phụ thuộc, (ii) người tàn tật (không còn khả năng lao động), người già không nơi nương tựa, (iii) người nghèo theo tiêu chí của Bộ LĐTĐ-XH, (iv)

người không có đất đai, và (v) người dân tộc thiểu số, (vi) người có năng lực sinh tồn kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dự án (ảnh hưởng từ 10% trở lên trong tổng giá trị tài sản).

Phù hợp về mặt văn hóa

tức là đã có xét tới mọi mặt của văn hóa và tính dễ tổn thương về chức năng của chúng.

Tham vấn tự do, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin

tức là các cuộc tham vấn diễn ra một cách tự do và tự nguyện, không có bất kỳ sự lôi kéo, can thiệp, hay ép buộc nào từ bên ngoài mà đối với các cuộc tham vấn này, những bên được tham vấn có tiếp cận trước nguồn thông tin về nội dung và quy mô của dự án đề xuất theo một cách thức, hình thức, và ngôn ngữ phù hợp với văn hóa của họ.

Gắn kết theo tập thể

tức là nói về sự có mặt ở đó và gắn bó về kinh tế với mảnh đất và vùng lãnh thổ mà họ có và được truyền lại từ nhiều đời, hoặc họ sử dụng hay chiếm hữu theo phong tục, tập quán của nhiều thế hệ của nhóm người DTTS đang đề cập tới, bao gồm cả các khu vực có ý nghĩa đặc biệt, ví dụ như các khu vực thần thánh, linh thiêng. “Gắn kết theo tập thể” còn hàm chỉ tới sự gắn kết của các nhóm người DTTS hay di chuyển/ di cư đối với vùng đất mà họ sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ.

Các quyền về đất và nguồn tài nguyên theo phong tục, tập quán

nói tới các mẫu hình sử dụng đất và tài nguyên lâu dài của cộng đồng theo phong tục, giá trị, tập quán, và truyền thống của người dân tộc thiểu số, bao gồm cả việc sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ, hơn là các quyền hợp pháp chính thức đối với đất và tài nguyên do Nhà nước ban hành.

TÓM TẮT BÁO CÁO

1. Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Ngân hàng thế giới hỗ trợ một dự án với tên gọi Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (VIAIP) nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp tại bảy (07) tỉnh ở miền Trung và miền núi phía Bắc bao gồm Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Quảng Trị.

2. Mục tiêu phát triển của dự án đề xuất là nâng cao sự phát triển bền vững của hệ thống sản xuất nông nghiệp có tưới ở vùng duyên hải miền Trung và các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam. Dự án được xác định trong bối cảnh ưu tiên của Chính phủ cho việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chú ý nâng cao hiệu quả chi tiêu công, khả năng phục hồi với biến đổi khí hậu, và một khuôn khổ rộng lớn hơn cho phát triển bền vững tài nguyên nước. Mục tiêu phát triển dự án sẽ đạt được bằng cách nâng cao các dịch vụ tưới và tiêu, cung cấp thêm các dịch vụ tư vấn, và tăng cường năng lực thể chế ở cấp tỉnh, hệ thống và nông trại/cộng đồng.

3. Dự án đề xuất sẽ có các hợp phần sau:

- Hợp phần 1: Hỗ trợ về thể chế và chính sách để nâng cao quản lý nước (Chi phí dự kiến: US\$10 triệu)
- Hợp phần 2: Cơ sở hạ tầng tưới và tiêu (Chi phí dự kiến: US\$165 triệu).
- Hợp phần 3: Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp (Chi phí dự kiến: US\$ 30 triệu).
- Hợp phần 4: Quản lý dự án, giám sát và theo dõi (Chi phí dự kiến: US\$ 5 triệu).

4. Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) này được chuẩn bị nhằm cung cấp một khung hoạt động trong đó những tác động tiêu cực tới người DTTS được giảm thiểu và các tác động tích cực được tăng cường dựa trên các cuộc tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với người DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án được thực hiện ở các thôn bản nơi có người DTTS đang sinh sống. EMPF thiết kế các biện pháp nhằm (a) tránh những tác động tiêu cực tiềm ẩn tới các cộng đồng DTTS; hoặc (b) khi những tác động tiêu cực tiềm ẩn tới người DTTS là không thể tránh khỏi thì những tác động đó phải được giảm thiểu, hạn chế, hoặc đền bù; và (c) đảm bảo rằng người DTTS nhận được các lợi ích về xã hội và kinh tế theo một cách thức phù hợp với văn hóa của họ, xét về cả khía cạnh giới và liên kết các thế hệ.

5. Dự án sẽ đem lại những lợi ích thiết thực cho đất nước và cộng đồng, bao gồm cả các cộng đồng DTTS. Cụ thể là: (i) Tu bổ, cải tạo và hoàn thiện các hệ thống tưới và tiêu hiện có nhằm tăng kết quả thực hiện tưới và tiêu ở cấp nội đồng; (ii) Tu bổ, cải tạo và mở rộng các hệ thống cấp nước nông thôn quy mô nhỏ đa mục tiêu, thông qua việc tu bổ các bể chứa nước để người sử dụng nước cùng có thể tiếp cận, quản lý và sử dụng hiệu quả. Các tiểu dự án cấp nước sẽ bao gồm tu bổ, kéo dài hoặc xây mới các hệ thống cấp nước sạch công cộng. Từng hệ thống cấp tự chảy riêng có thể phục vụ một làng với hộ hưởng lợi từ 50 đến 100 hộ, giải quyết vấn đề thiếu nước sinh hoạt, và cải thiện chất lượng sống cho người dân địa phương tại các khu vực của dự án; và (iii) Dịch vụ tư vấn nông nghiệp nhằm mục đích (a) tăng sản lượng, (b) đa dạng hóa cây trồng, và (c) các tổ chức dùng nước bền vững cho những người dân trong khu vực dự án, cải thiện môi trường kinh tế và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các khu vực dự án.

6. Bên cạnh những tác động tích cực, dự án sẽ gây ra thu hồi đất của một số hộ dân, trong đó có các hộ DTTS thuộc các dân tộc Mường, Thái (ở Hòa Bình), H'Mông, Tày (ở Hà Giang). Tuy nhiên, những tác động này là không đáng kể bởi vì các giải pháp công trình và kỹ thuật thay thế đã được lựa chọn, tức là giảm thiểu thu hồi đất và tài sản của người dân địa phương. Theo kết quả khảo sát ban đầu thực hiện tại các tỉnh dự án và kết quả đánh giá tác động xã hội, ước tính có khoảng 4.553 hộ gia đình và 5 UBND xã, bao gồm cả người DTTS sẽ bị ảnh hưởng bởi các tiêu dự án, đặc biệt là người dân tộc Mường, Thái (ở Hòa Bình), H'Mông, Tày (ở Hà Giang) bị ảnh hưởng bởi dự án. Ngoài ra, dự án sẽ ảnh hưởng đến cây cối và hoa màu của nông dân. Kết quả đánh giá tác động xã hội cho thấy dự án sẽ không ảnh hưởng đến các công trình văn hóa, các di tích lịch sử hay các khu vực thiên nhiên được bảo tồn và các khu vực chung của cộng đồng người DTTS. Số liệu chính xác về người và tài sản BAH của mỗi TDA sẽ được cập nhật trong RP cho từng TDA sau khi hoàn thành khảo sát kiểm kê chi tiết.

7. Dự án sẽ tiến hành đánh giá xã hội cho toàn dự án được đề xuất để thu thập các thông tin liên quan về số liệu nhân khẩu học, bao gồm dữ liệu về tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội; và cả những tác động kinh tế, văn hóa và xã hội. Đánh giá tác động xã hội phải (i) phù hợp về văn hóa và nhạy cảm về giới, (ii) xác định các lợi ích và các biện pháp giảm thiểu cho các tác động đã được xác định, với một sự tương xứng cụ thể về phạm vi các tác động được dự kiến.

8. Đối với dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới, một quá trình tham vấn hai bước (trong khi chuẩn bị và thực hiện dự án) đảm bảo tuân thủ Chính sách Người bản địa (OP4.10) của NHTG để (i) khẳng định sự ủng hộ rộng rãi các mục tiêu của dự án; (ii) thông báo cho những người hưởng lợi về các lợi ích của dự án và khẳng định sự phù hợp về văn hóa của dự án; và (iii) xác định những ưu tiên và hạn chế của họ liên quan tới các phương án bồi thường và tái định cư cũng như những ảnh hưởng về môi trường.

9. Trong quá trình chuẩn bị dự án, các cuộc tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn có phổ biến thông tin đã được thực hiện thông qua các cuộc thảo luận nhóm tập trung với một số lượng mẫu nhỏ người DTTS bị ảnh hưởng tích cực và tiêu cực bởi dự án (từ 15 đến 30 người mỗi làng/bản). Những người tham gia được lựa chọn một cách ngẫu nhiên để thu thập được nhiều quan điểm, góc nhìn hơn dưới hình thức thảo luận nhóm. Họ rất ủng hộ IAIP/VIAIP vì họ nhận thức được rằng về cơ bản dự án sẽ mang lại rất nhiều lợi ích, nhiều ảnh hưởng tích cực để cải thiện đời sống của họ trong tương lai.

10. Trong bối cảnh Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới, các nhóm DTTS ở khu vực các TDA có thể sẽ hưởng những lợi ích lâu dài từ dự án nhờ hệ thống thủy lợi được cải thiện và năng lực về cấp nước sạch nông thôn được nâng cao. Tuy nhiên, một số người DTTS có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc thu hồi đất và/hoặc tái định cư. Chính sách và hành động cụ thể nhằm tăng tối đa các lợi ích của dự án và giảm thiểu các tác động tiềm ẩn do thu hồi đất và tái định cư sẽ được giải quyết thông qua việc chuẩn bị các Kế hoạch phát triển DTTS và Kế hoạch hành động tái định cư (RP) của dự án.

11. Trong quá trình thực hiện dự án, người DTTS và các cộng đồng địa phương khác và những người liên quan tới dự án có thể khiếu nại lên các cơ quan thực hiện hoặc chính quyền địa phương. Do vậy, cơ chế giải quyết khiếu kiện cho toàn bộ dự án và đề áp dụng cho tất cả các hợp phần của các TDA cũng được áp dụng cho người DTTS. Để đảm bảo với người DTTS rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được, các cuộc tham vấn về cơ chế này với chính quyền địa phương và cộng đồng người BAH, đặc biệt là tham vấn với các nhóm dễ bị tổn thương đã diễn ra

12. Nhằm đảm bảo Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) được thực hiện một cách minh bạch và tuân thủ EMPF cũng như Chính sách người bản địa (OP4.10) của NHTG, một cơ chế giám sát và đánh giá được thiết lập và triển khai trong suốt quá trình thực hiện dự án được thành lập trong suốt chu kỳ của dự án như một quá trình liên tục. Ban QLDA tỉnh sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ và một cơ quan bên ngoài do CPO tuyển chọn sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá độc lập.

13. Nhằm đảm bảo phổ biến đầy đủ thông tin cho người DTTS, tất cả các hoạt động phổ biến thông tin liên quan tới Dự án sẽ được triển khai một cách thích hợp – bằng ngôn ngữ của nhóm người DTTS (nếu họ không thể đọc và nói tiếng Việt) – và phù hợp với văn hóa của họ. Tổ chức các cuộc họp tham vấn cộng đồng tại làng bản, sử dụng phương pháp tham dự và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần thiết). Thông tin sẽ được niêm yết tại những nơi công cộng như văn phòng UBND xã/ phường hoặc nhà các già làng/ trưởng bản của người DTTS. Các thông tin nên được truyền tải chủ yếu dưới dạng hình ảnh nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin cho người DTTS có kỹ năng đọc hiểu kém.

14. Ban quản lý Trung ương dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ NN&PTNT sẽ chịu trách nhiệm chung về thực hiện EMDP, bao gồm cả xây dựng năng lực cho các cơ quan thực hiện dự án và các bên liên quan. Các Ban QLDA các tỉnh với sự hỗ trợ kỹ thuật của CPO có trách nhiệm thực hiện đánh giá xã hội và chuẩn bị EMDP cho các TDA được đề xuất, nơi có người DTTS sinh sống. Ban QLDA tỉnh cũng có trách nhiệm giám sát nội bộ việc thực hiện EMDP. Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các huyện dưới sự chỉ đạo của UBND huyện có trách nhiệm thực hiện EMDP.

I. GIỚI THIỆU

1.1 Mô tả dự án

1.1.1 Bối cảnh dự án

1. Việt Nam là một nước nông nghiệp, với điều kiện khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Thủy lợi đóng vai trò quan trọng để bù đắp sự thiếu nước trong mùa khô, và tiêu để cải tạo vùng ngập lũ trong mùa mưa. Đầu tư vào thủy lợi đã góp phần tăng năng suất và thâm canh nông nghiệp ở Việt Nam, hỗ trợ các mục tiêu liên quan tới an ninh lương thực hộ gia đình, khu vực và quốc gia. Hơn hai thập kỷ qua, Việt Nam đã chuyển đổi từ nước thiếu lương thực thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Thủy lợi cũng đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc phát triển ngành nông nghiệp hàng hóa và thủy sản, trong hơn thập kỷ qua, Việt Nam đã trở thành một trong những nước đứng đầu về xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, hạ tầng thủy lợi được nâng cấp, hoàn thiện trong thời gian qua đã giúp đa dạng hóa thu nhập của người nông dân từ. Người nông dân đã tăng diện tích sản xuất nhiều loại cây trồng lương thực, thực phẩm khác như rau bên cạnh cây lúa và hỗ trợ tích cực phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

2. Ở Việt Nam, đất canh tác mở rộng 9,6 triệu hecta (ha), hay 29% tổng diện tích đất cả nước. Ước tính rằng 46% (4,5 triệu ha) đất trồng trọt được phục vụ tưới tiêu, trong khi 26% (2,5 triệu ha) đã có hệ thống thoát nước. Việc mở rộng các công trình thủy lợi đã mở đường cho một tiến bộ trong sản xuất. Các khu vực có hệ thống tưới đầy đủ sản xuất với năng suất trung bình 4,9 tấn/ha, gấp hai lần năng suất các khu vực không có tưới. Trong năm 2010, Việt Nam đã xuất khẩu được 6,8 triệu tấn gạo xay và trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Mặc dù đã có một số khoản đầu tư đáng kể, các hệ thống tưới và tiêu phục vụ nông nghiệp vẫn không đủ, trong năm 2005 tiềm năng thủy lợi Việt Nam đã được đánh giá là 9,4 triệu ha, tuy nhiên tổng diện tích trang bị cho tưới chỉ chiếm 48% (4,5 triệu ha) khả năng. Ngoài ra, hơn một nửa các hệ thống tưới và tiêu được phát hiện thấy là đang xuống cấp và/hoặc hoạt động dưới mức công suất tiềm năng dẫn đến việc sử dụng không hiệu quả và tổn thất nước vật lý. Trong quá trình xem xét các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, việc nâng cấp các hệ thống thủy lợi hiện có và xây dựng hệ thống mới sẽ đòi hỏi một lượng lớn vốn và hỗ trợ kỹ thuật.

3. Chính phủ đã yêu cầu Ngân hàng thế giới hỗ trợ một dự án với tên gọi Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (VIAIP) nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp tại bảy (07) tỉnh ở miền Trung và miền núi phía Bắc bao gồm Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Quảng Trị.

1.1.2 Mục tiêu của dự án

4. Mục tiêu phát triển của dự án đề xuất là nâng cao sự phát triển bền vững của hệ thống sản xuất nông nghiệp có tưới ở vùng duyên hải miền Trung và các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam. Dự án được xác định trong bối cảnh ưu tiên của Chính phủ cho việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chú ý nâng cao hiệu quả chi tiêu công, khả năng phục hồi với biến đổi khí hậu, và một khuôn khổ rộng lớn hơn cho phát triển bền vững tài nguyên nước. Mục tiêu phát triển dự án sẽ đạt được bằng cách nâng cao các dịch vụ tưới và tiêu, cung cấp thêm các dịch vụ tư vấn, và tăng cường năng lực thể chế ở cấp tỉnh, hệ thống và nông trại/cộng đồng.

5. Mục tiêu dài hạn của dự án là (i) Đảm bảo sự tiếp cận có hiệu quả và bền vững các

dịch vụ tưới/tiêu đã được đầu tư nâng cấp cho các vùng nông thôn thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung Việt Nam; và (ii) Nâng cao lực cạnh tranh và tối đa hóa lợi ích của nền nông nghiệp có tưới (sản xuất nông nghiệp cần xét đến thực trạng biến đổi khí hậu và giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính).

6. Mục tiêu ngắn hạn của dự án là: Hỗ trợ cho một số tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung nâng cấp các hệ thống tưới tiêu để cung cấp dịch vụ tưới tiêu tốt hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.1.3 Các hợp phần của dự án

7. Dự án được dự kiến thiết kế cấu thành bởi bốn hợp phần với các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ tương ứng như sau:

Hợp phần 1: Thể chế và chính sách hỗ trợ cải thiện quản lý nước

Tăng cường sự tiếp cận các dịch vụ thông qua cải tiến mô hình tổ chức, cơ chế quản lý tài chính, giám sát và đánh giá (M&E):

- Đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế quản lý theo hướng huy động tối đa sự tham gia của các thành phần kinh tế và người hưởng lợi phù hợp với cơ chế thị trường, vùng miền. Phân định rõ vai trò và trách nhiệm, quyền lợi của các IMCs, WUOs và/hoặc cá nhân người dùng nước theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng và cùng có lợi, bảo đảm phát triển bền vững;
- Nâng cao tính công khai, minh bạch và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng lượng cung cấp dịch vụ dựa trên các quy định của nhà nước trong quản lý khai thác công trình thủy lợi và bằng cách áp dụng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá (benchmarking), đánh giá nhanh (RAP) định kỳ và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của IMCs đáp ứng yêu cầu người sử dụng nước;
- Trang bị các thiết bị phục vụ công tác quản lý.

Hợp phần 2: Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống tưới tiêu

Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa công trình và các hạng mục:

- Hệ thống tưới từ đầu mối, kênh chính đến cấp 2, 3 và nội đồng;
- Hệ thống tiêu chính và tiêu nội đồng;
- Đầu tư quy mô nhỏ cho các mục tiêu cung cấp khác (nước sạch, thủy điện nhỏ);
- Lắp đặt các thiết bị phục vụ cho công tác vận hành, phân phối để giám sát, điều tiết lượng nước cung cấp cho các nhóm sử dụng nước khác nhau.

Hợp phần 3: Dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu

Hợp phần này lồng ghép đầu tư xây dựng các khu mẫu với mục tiêu:

- Tăng năng suất và lợi nhuận của nền nông nghiệp có tưới và các hoạt động sản xuất liên quan;
- Tập trung vào các vấn đề tổng hợp trong nông nghiệp và quản lý nước nhằm thu được lợi ích cao nhất từ những đầu tư cho tưới.

Hợp phần 4: Quản lý dự án, giám sát và đánh giá

Nội dung của hợp phần gồm: (1) Các tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho quản lý thực hiện dự án phù hợp với quy chế quản lý đầu tư trong nước và quy định của nhà tài trợ; (2) Hỗ trợ cho các hoạt động của các cơ quan quản lý dự án ở trung ương và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án; (3) Đào tạo nghiệp vụ, tăng cường năng lực quản lý thực hiện dự án cho các Ban Quản lý, đặc biệt các Ban quản lý TDA ở địa phương.

1.2 Các dân tộc thiểu số tại Việt Nam

8. Việt Nam có 54 dân tộc được chính thức công nhận như các nhóm dân tộc, trong đó người Kinh (người Việt hay người Việt chủ đạo) chiếm 87%. 53 nhóm dân tộc thiểu số có lượng người khác nhau, từ 500.000 người tới vài trăm nghìn người mỗi nhóm. Các dân tộc thiểu số chiếm 13% tổng dân số, nhưng gần một phần ba (29%) người Việt Nam trong tình cảnh đói nghèo là người dân tộc thiểu số. Ngoại trừ người Hoa (người gốc Trung Quốc), người Kh'me và người Chăm, phần lớn 50 nhóm dân tộc thiểu số còn lại sống tại nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa và chịu nhiều bất lợi về mặt xã hội và kinh tế xét trên một loạt các phương diện. Thành viên của các nhóm dân tộc thiểu số dễ bị suy dinh dưỡng, mù chữ, và có sức khỏe yếu kém. Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đầy ấn tượng trong việc xóa đói giảm nghèo trong 15 năm qua tại mọi vùng miền của Tổ quốc, sự cải biến này diễn ra trong nhóm người Kinh nhanh hơn so với các nhóm dân tộc thiểu số. Những xu hướng trong quá khứ cho thấy đói nghèo đang ngày càng trở thành một vấn đề mang tính dân tộc.

9. Về các nhóm DTTS bị ảnh hưởng tiềm năng bởi các hoạt động của tất cả các hợp phần của dự án, họ có những đặc điểm chung như sau:

- Sống trong khu vực dự án từ rất lâu đời (hàng trăm năm),
- Nói bằng ngôn ngữ riêng của họ khi giao tiếp trong gia đình và cộng đồng của họ, nói và viết tiếng Việt trong giao tiếp công cộng và trong các tài liệu.
- Mặc trang phục truyền thống nhưng trong các lễ hội,
- Không có sự bất bình đẳng giới về tiếp cận đến các cơ hội phát triển giữa nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội trong các nhóm dân tộc ở các khu vực dự án. Các nhóm DTTS có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận đến các dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, an sinh xã hội ...
- Quản lý cộng đồng chính thức dựa trên hệ thống quản lý Nhà nước,

1.3 Sàng lọc các dân tộc thiểu số của dự án

10. Trong quá trình sàng lọc, dự kiến có 29.857 hộ DTTS được hưởng lợi từ dự án, bao gồm các nhóm dân tộc: Thái, Mường, Tày, Dao, Giáy và H'Mông. Đặc điểm văn hóa xã hội của họ được thể hiện như sau:

- **Người Thái:** sinh sống chủ yếu trong khu vực các tiểu dự án thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình cùng với người Kinh. Nhà sàn không còn là phổ biến của người Thái mà được thay thế bằng nhà giống như của người Kinh, không cải táng mồ mả vì người Thái cho rằng chết nghĩa là chuyển sang sống tiếp tục ở một thế giới khác, có các nghề thủ công truyền thống như đan len, dệt thổ cẩm và làm đồ gốm.
- **Người Mường:** sinh sống chủ yếu trong các khu vực dự án ở tỉnh Hòa Bình cùng

với người Kinh trong các thôn/làng. Lúa nước là cây trồng chính của người Mường. Thu nhập phụ quan trọng của người Mường là khai thác các lâm thổ sản trong rừng như mộc nhĩ, nấm hương, thảo dược, mật ong, tre, gỗ... Nghề thủ công tiêu biểu của người Mường là dệt, đan lát và quay tơ, Nhà sản nhưng không còn nhiều mà đã bị thay thế bằng nhà giống như của người Kinh,

- **Người Tày:** sinh sống chủ yếu trong các khu vực dự án ở các huyện Bắc Quang, Vị Xuyên, Quang Bình cùng với người Kinh trong các thôn/làng. Lúa nước là cây trồng chính của người Tày, ngoài ra họ còn trồng các loại hoa màu như ngô, khoai, sắn, đậu, đỗ cùng các loại rau quả do trồng trọt trong vườn hoặc hái lượm trong rừng, các loại thủy sản như cá, tôm, cua do nuôi thả và đánh bắt ở sông suối, các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, gà, vịt hoặc chim, thú săn bắt ở trong rừng. Bản là đơn vị cư trú của người Tày, thường ở chân núi, cạnh cánh đồng hay ven sông suối, tên bản thường gọi theo tên đồng ruộng, khúc sông hay giếng nước. Nhà sàn và nhà gỗ là 2 loại nhà phổ biến nhất của người Tày
- **Người H'mong:** sinh sống chủ yếu trong các khu vực dự án ở các huyện miền núi cao như Yên Minh, Đồng Văn, Quản Bạ của tỉnh Hà Giang. Phần lớn người Mông sống ở vùng núi cao nên nguồn sống chính của đồng bào là làm nương du canh và nương định cư, trồng lúa trồng ngô, ở một vài nơi có ruộng bậc thang. Cây lương thực chính là ngô và lúa nương, lúa mạch. Ngoài ra đồng bào còn trồng lanh để lấy sợi dệt vải và trồng cây dược liệu. Chăn nuôi của gia đình người Mông có trâu, bò, ngựa, chó, gà. Xưa kia người Mông quan niệm: Chăn nuôi là việc của phụ nữ, kiếm thịt trong rừng là việc của đàn ông.

1.4 Mục tiêu của Khung chính sách dân tộc thiểu số

11. EMPF này cung cấp một khung hoạt động không chỉ để giải quyết việc giảm thiểu những tác động tiêu cực mà còn làm tăng những lợi ích giữa những người DTTS chịu những tác động của dự án trên cơ sở tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với người DTTS bị ảnh hưởng. EMPF đảm bảo (a) tránh những tác động tiêu cực tiềm ẩn tới các cộng đồng DTTS; hoặc (b) khi những tác động tiêu cực tiềm ẩn tới người DTTS là không thể tránh khỏi thì những tác động đó phải được giảm thiểu, hạn chế, hoặc đền bù; và (c) đảm bảo rằng người DTTS nhận được các lợi ích về xã hội và kinh tế theo một cách thức phù hợp với văn hóa của họ, xét về cả khía cạnh giới và liên kết các thế hệ, và nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với dự án.

II. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN CỦA DỰ ÁN TỚI NGƯỜI DTTS

2.1 Các tác động tích cực

12. Bốn hợp phần của dự án sẽ ảnh hưởng tích cực tới khoảng 29.857 hộ DTTS tại các tỉnh Hà Giang và Hòa Bình. Thông qua những hạng mục đầu tư được đề xuất, ví dụ như cải tạo và nâng cấp các hồ chứa, gia cố và tu bổ các tuyến kênh mương thủy lợi, dự án sẽ đem lại những lợi ích thiết thực cho đất nước và cộng đồng, bao gồm cả các cộng đồng DTTS. (i) Tu bổ, cải tạo và hoàn thiện các hệ thống tưới và tiêu hiện có nhằm tăng kết quả thực hiện tưới và tiêu ở cấp nông trại thông qua cải thiện tưới nội đồng; (ii) Tu bổ, cải tạo và mở rộng các hệ thống cấp nước nông thôn quy mô nhỏ đa mục tiêu, thông qua việc sẽ tu bổ các ao làng để người sử dụng nước cùng có thể tiếp cận, quản lý và sử dụng hiệu quả. Các tiểu dự án cấp nước sẽ bao gồm tu bổ, kéo dài hoặc xây mới các hệ thống cấp nước sạch công cộng. Từng hệ thống cấp tự chảy riêng có thể phục vụ một làng với hộ hưởng lợi từ 50 đến 100 hộ, giải quyết vấn đề thiếu nước sinh hoạt, và cải thiện chất lượng sống cho người dân địa phương tại các khu vực của dự án; và (iii) Dịch vụ tư vấn nông nghiệp nhằm mục đích (a) tăng sản lượng, (b) đa dạng hóa cây trồng, và (c) các tổ chức dùng nước bền vững cho những người dân trong khu vực dự án, cải thiện môi trường kinh tế và giao thông địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tạo cảnh quan cho các khu vực dự án.

13. Các tác động tích cực tiềm ẩn của dự án đối với người DTTS được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Các tác động tích cực tiềm ẩn và lợi ích của dự án

Hoạt động	Mô tả các tác động tích cực tiềm ẩn	Các biện pháp tăng cường lợi ích của dự án
Nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi	<ul style="list-style-type: none">- Cải thiện khả năng tưới tiêu.- Gia cố kè, đập.- Cấp nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường cho hàng nghìn hộ DTTS tại các khu vực miền núi.	Tham vấn đầy đủ với các hộ DTTS trong quá trình thực hiện dự án sẽ được tổ chức để đảm bảo rằng dự án giải quyết thấu đáo các nhu cầu, ưu tiên và lựa chọn của họ.

Hoạt động	Mô tả các tác động tích cực tiềm ẩn	Các biện pháp tăng cường lợi ích của dự án
Các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp thông minh đáp ứng với thay đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng năng suất và hiệu quả của các hoạt động nông nghiệp có tưới và các hoạt động sản xuất liên quan; - Tập trung vào các vấn đề chung trong quản lý nông nghiệp và nước nhằm đạt được những lợi ích tối ưu nhất cho các hoạt động đầu tư vào nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến nghị các hoạt động dự án nhằm cải thiện mức sống của người DTTS; - Dự án tăng cường năng lực cho các cộng đồng DTTS nhằm giúp họ tự phát triển và tạo điều kiện nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của họ trong việc giám sát và đánh giá thực hiện dự án. - Thể hiện rõ nhiệm vụ tổ chức và vận hành trong việc xây dựng năng lực và đào tạo cho các đơn vị thực hiện dự án để đảm bảo rằng các cộng đồng DTTS được hưởng lợi từ dự án. - Các báo cáo tiến độ hàng năm sẽ được đánh giá mở rộng về những gì người DTTS quan tâm và những lợi ích gì của dự án mà họ nhận được. - Quá trình phân phối lợi ích cho người DTTS sẽ được đánh giá định kỳ và những rào cản khiến người DTTS không thể tiếp cận các lợi ích của dự án sẽ được nhận diện và giải quyết trong phạm vi khung chính sách dự án.

2.2 Các tác động tiêu cực

14. Bên cạnh đó còn có các hoạt động nâng cấp và cải tạo các hệ thống kè, đập và các hồ chứa nước nhằm tránh tác động thu hồi đất và tác động khác tới các hộ gia đình và tài sản của họ tại khu vực công trình. Tuy nhiên, những tác động này là không đáng kể bởi vì các công trình và giải pháp kỹ thuật được lựa chọn tuân theo những yêu cầu của dự án, tức là giảm thiểu thu hồi đất và tài sản của người dân địa phương. Theo kết quả đánh giá xã hội và kiểm đếm các thiệt hại ban đầu được thực hiện tại các tỉnh dự án, ước tính có khoảng 58 hộ gia đình sẽ bị tác động thu hồi đất bởi các tiểu dự án, bao gồm người Thái và người Mường (ở Hòa Bình), H'mong và Tày (tại Hà Giang) sẽ BAH nhẹ bởi dự án. Ngoài ra, các TDA sẽ ảnh hưởng cây cối và mùa màng của nông dân. Kết quả đánh giá tác động xã hội cũng cho thấy dự án sẽ không ảnh hưởng các công trình văn hóa vật thể, các địa điểm lịch sử, các khu bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học và các nơi "gắn kết tập thể" của người DTTS.

15. Dự án sẽ tuân thủ theo EMPF này để đảm bảo rằng người DTTS sẽ được hưởng lợi/hoặc giảm thiểu những tác động gây ra bởi tất cả các hoạt động của các hợp phần của dự án như được tóm tắt trong bảng dưới đây.

Bảng 2: Những tác động tiêu cực tiềm ẩn và biện pháp đối phó

Hoạt động	Mô tả các tác động tiêu cực tiềm ẩn	Biện pháp giảm thiểu đề xuất
Thu hồi đất	Các TDA đề xuất có thể có thu hồi đất của người DTTS nhưng không nhiều	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp các công trình hiện có mà không thu hồi đất hoặc thu hồi ít đất. - Nếu việc thu hồi đất là không thể tránh khỏi thì cần hạn chế, giảm thiểu, hoặc đền bù cho những tổn thất theo một cách thức phù hợp về văn hóa. - Thực hiện tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng.
Tái định cư	<ul style="list-style-type: none"> - Mất đất thổ cư và nhà ở dẫn tới phải tái định cư ở nơi khác. - Mất sự gắn kết về văn hóa và xã hội do tái định cư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đền bù cho tất cả những tổn thất theo giá thay thế và cấp đất thay thế trong cùng làng hoặc xã nơi hộ gia đình tái định cư chấp thuận để họ có thể duy trì sự gắn kết về văn hóa và xã hội. - Các khu tái định cư phải được tham vấn và được sự chấp thuận của người phải di dời. - Hỗ trợ các hộ tái định cư khôi phục sinh kế và điều kiện sống.
Kinh doanh bị ảnh hưởng	Một số hộ gia đình có thể bị ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trong quá trình xây dựng hoặc phải di dời cửa hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Tránh di dời cửa hàng - Nếu không thể tránh khỏi thì đền bù cho những tổn thất và cấp đất thay thế để họ có thể xây cửa hàng mới nơi hộ gia đình bị ảnh hưởng chấp nhận và tiếp tục hoạt động kinh doanh của họ. - Thực hiện tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng.
Di dời mồ mả	Các TDA được đề xuất sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa trang của các cộng đồng DTTS nhưng một số mồ mả nằm rải rác trong khu vực thi công có thể phải di dời.	<ul style="list-style-type: none"> - Tránh di dời mồ mả - Nếu không thể tránh khỏi thì thực hiện tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng và bồi thường cho họ theo một cách thức phù hợp về văn hóa.

<p>Tác động tiêu cực tới sức khỏe trong quá trình thi công.</p>	<p>Trong quá trình thi công các công trình, người DTTS có thể bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm bụi và tiếng ồn, tai nạn, HIV – những tác động ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người DTTS.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án sẽ hỗ trợ phát triển và thực hiện một Kế hoạch quản lý môi trường, đáp ứng các tiêu chuẩn về kiểm soát lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe, và quản lý rác thải. Kế hoạch này sẽ được phổ biến và chia sẻ với người DTTS sống gần các khu vực thi công. - Tổ chức tham vấn tự do trước và tham vấn phổ biến thông tin về các nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS và tệ nạn xã hội.
-----------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

III. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH

3.1 Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người DTTS

16. Tất cả các dân tộc ở Việt Nam được hưởng đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ về quyền bình đẳng theo Hiệp pháp và Pháp luật. Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ban hành năm 1992 và sửa đổi năm 2001) công nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc và đưa ra những nguyên tắc chung sau đây, quy định tại các Điều 5, 30, 36 và 39 của Hiến pháp:

- a. Việt Nam là một quốc gia hợp nhất của tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ đất nước.
- b. Nhà nước áp dụng một chính sách bình đẳng, đoàn kết, và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số và nghiêm cấm mọi hành động phân biệt và chia rẽ dân tộc.
- c. Tất cả các dân tộc đều có quyền sử dụng ngôn ngữ và hệ thống chữ viết riêng và có quyền bảo tồn phong tục và văn hóa truyền thống của mình.
- d. Nhà nước thực hiện các chính sách phát triển toàn diện nhằm từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người DTTS.
- e. Nhà nước sẽ chịu trách nhiệm và sẽ đảm bảo phát huy các giá trị văn hóa của tất cả các dân tộc ở Việt Nam.
- f. Nhà nước ưu tiên phát triển phát triển giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người dân miền núi và người DTTS.

Các chính sách liên quan tới DTTS

17. Chính phủ VN đã thông qua một loạt các chính sách liên quan tới phát triển DTTS, đặc biệt là là người DTTS tại các khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa. Một trong những chính sách liên quan nhất là Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg (còn gọi là “Chương trình 134”) do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 20/7/2004, trong đó đưa ra một số chính sách như hỗ trợ đất nông nghiệp để sản xuất, đất thổ cư, nhà ở và nước sạch cho sinh hoạt hàng ngày của các hộ nghèo DTTS đang gặp khó khăn.

18. Nghị định số 60/2008/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 9/5/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc (CEMA). Cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ này thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về các vấn đề dân tộc thiểu số trên toàn quốc, và các dịch vụ công cộng trong phạm vi chức năng quyền hạn của mình cũng như quản lý các Ban Dân tộc cấp tỉnh. Các tỉnh với số lượng đáng kể người DTTS có một Ban Dân tộc trực thuộc UBND tỉnh. Chức năng của CEMA là hết sức đa dạng, từ xây dựng luật cho tới thực hiện các chương trình, giám sát và hoạt động như một cơ quan ngang bộ của Việt Nam và hợp tác với các tổ chức quốc tế trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Năm 1995, CEMA đã xây dựng một Khung hỗ trợ bên ngoài với việc phát triển các DTTS. Khung này đã đưa đến một chiến lược phát triển người DTTS trong khuôn khổ mục tiêu của Chính phủ về ổn định, phát triển bền vững, và xóa đói giảm nghèo. Những điểm chính của khung này là: a) Chống đói nghèo; b) Khuyến khích sự tham gia tích cực của các cộng đồng DTTS vào quá trình phát triển của chính họ; c) Tăng cường các thể chế liên quan tới người DTTS; d) Phát triển các nguồn lực tự nhiên và con người một cách bền vững; và e) Đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau và tăng tính trách nhiệm của các bên liên quan.

Sự tham gia/ Dân chủ cấp cơ sở

19. Các tài liệu của Chính phủ về vấn đề dân chủ cơ sở và sự tham gia của người dân cũng liên quan trực tiếp tới Khung phát triển DTTS này. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ban hành ngày 20/4/2007 (thay thế Nghị định 79/2003/NĐ-CP ban hành ngày 7/7/2003) về thực hiện dân chủ tại cấp xã, phường, và thị trấn/ thị xã cung cấp cơ sở cho sự tham gia của cộng đồng vào việc chuẩn bị các kế hoạch phát triển và sự giám sát của cộng đồng tại Việt Nam. Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/4/2005 quy định việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

20. Việc xây dựng các chính sách kinh tế xã hội cho từng vùng miền và từng nhóm đối tượng, cần xét tới các nhu cầu của người DTTS. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam kêu gọi sự quan tâm đặc biệt đến người DTTS. Những chương trình lớn hướng tới người DTTS bao gồm Chương trình 135 (phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Giai đoạn 1&2) và Chương trình 134 (hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và đời sống khó khăn). Chính sách về giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người DTTS cũng đã được ban hành. Tất cả các tài liệu pháp lý liên quan tới DTTS được trình bày trong **Bảng 3**.

Bảng 3: Tài liệu pháp lý liên quan tới DTTS

2010	Nghị định 82/2010/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20/7/2010 về dạy và học tiếng DTTS tại trường học.
2009	Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 13/8/2009 quy định quy hoạch bổ sung về sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ và tái định cư.
2008	Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ cho xóa đói giảm nghèo nhanh chóng và bền vững cho 61 huyện nghèo nhất của cả nước.
2008	Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 9/6/2008 về hỗ trợ đất sản xuất và đất thổ cư cho các hộ gia đình DTTS nghèo tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
2008	Nghị định 60/2008/NĐ-CP ban hành ngày 9/5/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu của Ủy ban dân tộc.
2007	Quyết định 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 20/7/2007 về chính sách hỗ trợ nâng cao kiến thức luật như một chương trình của 135, giai đoạn 2.
2007	Quyết định 01/2007/QĐ-UBDT ban hành ngày 31/5/2007 của Ủy ban dân tộc về việc công nhận các xã, huyện miền núi
2007	Quyết định 05/2007/QĐ-UBDT ban hành ngày 06/9/2007 của UB dân tộc về việc chấp thuận 3 vùng dân tộc thiểu số và miền núi dựa trên tình hình phát triển
2007	Thông tư 06 ban hành ngày 20/9/2007 của UB dân tộc hướng dẫn hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện sinh kế, hỗ trợ kỹ thuật phục vụ nâng cao kiến thức về luật theo Quyết định 112/2007/QĐ-TTg
2007	Quyết định 06/2007/QĐ-UBDT ban hành ngày 12/1/2007 của UB dân tộc về chiến lược truyền thông cho chương trình 135 – Giai đoạn 2
2007	Nghị định 84/2007/NĐ-CP của CP Việt Nam về sửa đổi việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, và thực hiện quyền sử dụng đất, quy trình, thủ tục đền bù và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu kiện.

2001	Nghị định 70/2001/NĐ-CP: tất cả các hồ sơ đăng ký tài sản gia đình và quyền sử dụng đất phải đứng tên cả chồng và vợ.
------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3.2 Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10)

21. Theo chính sách của Ngân hàng Thế giới về *Dân tộc thiểu số* (OP4.10), một quá trình tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi từng giai đoạn của dự án và đặc biệt là trong quá trình chuẩn bị dự án, được yêu cầu xác định đầy đủ quan điểm và sự hỗ trợ cộng đồng rộng rãi của họ đối với dự án.

22. Các nhóm dân tộc thiểu số thường sinh sống trong các khu vực bất lợi và dễ bị tổn thương nhất. Những bất lợi này khiến cho mức sống, tình trạng kinh tế, xã hội, và pháp lý của họ bị ảnh hưởng và hạn chế khả năng tiếp cận các lợi ích và quyền lợi của họ đến những vùng đất, vùng lãnh thổ và các nguồn lực sản xuất khác, và/hoặc hạn chế khả năng của họ trong việc tham gia vào các dự án phát triển. Do đó, trước khi chuẩn bị dự án, Ngân hàng Thế giới yêu cầu Bên vay tiến hành sàng lọc để xác định xem người dân tộc thiểu số có mặt hoặc gắn bó với khu vực dự án hay không. Người dân tộc thiểu số gắn bó chặt chẽ với những vùng đất họ sinh sống và tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc. Các dự án phát triển đẩy người dân tộc thiểu số đến các rủi ro và tác động từ các, bao gồm mất bản sắc, văn hóa và tập quán sinh sống trong số những người khác. Giới tính và các vấn đề giữa các thế hệ trong các nhóm dân tộc thiểu số cũng rất phức tạp. Họ có các nhóm xã hội với bản sắc khác với nhóm thống trị trong xã hội của họ.

Bước sàng lọc ban đầu xác định rằng các khu vực của 02 tiểu dự án tại các tỉnh Hòa Bình và Hà Giang đều có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Các dân tộc bản địa chủ yếu thuộc các nhóm người nghèo nhất trong dân số. Tất cả các dự án đề nghị tài trợ của Ngân hàng Thế giới có tác động đến người dân bản địa được yêu cầu:

- ✓ Sàng lọc để xác định liệu có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống hoặc gắn bó tới khu vực dự án hay không;
- ✓ Nếu, dựa trên kết quả sàng lọc, và một khi đã xác nhận rằng có DTTS gắn bó trong vùng dự án, một đánh giá khác sẽ được thực hiện để đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực tiềm ẩn của dự án đối với DTTS và để kiểm chứng và điều chỉnh thiết kế dự án nhằm giảm thiểu tác dụng tiêu cực tiềm ẩn và tối ưu hóa các tác động tích cực của dự án;
- ✓ Một quá trình tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng để xác định đầy đủ quan điểm của họ và xác định xem có sự hỗ trợ rộng rãi của cộng đồng đối với dự án hay không;
- ✓ Nếu, tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin kết luận rằng các cộng đồng dân tộc thiểu số ủng hộ rộng rãi dự án, EMDP sẽ được chuẩn bị và tham vấn với các cộng đồng, đưa ra những lợi ích mà họ sẽ nhận được từ dự án và làm thế nào để giảm thiểu hoặc giảm nhẹ bất kỳ tác động tiêu cực nào; và
- ✓ Công bố EMDP tới người DTTS.

IV. ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI

4.1 Mối liên kết giữa Đánh giá Xã hội và EMPF

23. Thông qua sàng lọc, có thể kết luận rằng Người DTTS được trình bày và/hoặc có quan hệ chặt chẽ với khu vực dự án VIAIP, đánh giá xã hội được lập để đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực tiềm ẩn của dự án đối với Người DTTS và thẩm định các giải pháp cho dự án trong trường hợp các tác động tiêu cực là đáng kể. Bề rộng, chiều sâu và chủng loại phân tích trong đánh giá xã hội tương xứng với tính chất và quy mô của các tác động tiềm ẩn của dự án đề xuất đối với Người DTTS dù đó là tác động tích cực hay tiêu cực.

24. Tóm tắt báo cáo đánh giá xã hội được trình bày dưới đây:

4.2 Tóm tắt Đánh giá Xã hội

25. Các tỉnh miền núi phía Bắc trong khu vực Miền trung với điều kiện phát triển khó khăn, dễ bị thiên tai và biến đổi khí hậu như các tỉnh duyên hải miền Trung: Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Quảng Trị. Các tỉnh trên được lựa chọn thích hợp cho việc phục hồi, phát triển thủy lợi và tưới tiêu nông nghiệp, cho phép cải cách quản lý thủy lợi và phát triển mô hình nông nghiệp thích ứng khí hậu thông minh (nền kinh tế của khu vực dự án tăng trưởng ở trong mức độ vừa phải (8,4%/năm), nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5,29%/năm, tuy nhiên, khu vực này có rất nhiều khó khăn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn (37,8%) với 80% người dân sống bằng nghề nông. Lao động nông thôn đang thiếu việc làm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn).

26. Dự án trải dài trong ba khu vực, chiếm hơn hai phần ba số người nghèo của Việt Nam, bao gồm khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Duyên hải miền Trung và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. So với tỷ lệ nghèo chung của cả nước là 12,6%, tỷ lệ này của khu vực miền núi phía Bắc là 26,7%, là tỷ lệ cao nhất trên toàn quốc, trong khi tỷ lệ của khu vực miền Trung là 18,5%, một tỷ lệ cao. Trong đó cơ cấu kinh tế của cả khu vực, nông, lâm, ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn 50%, đặc biệt, ở khu vực miền núi phía Bắc, tỷ lệ này là 52,6%, và trong khu vực miền Trung, tỷ lệ này là 63,8%. Thu nhập bình quân đầu người thấp nhất cả nước là khu vực miền núi phía Bắc và khu vực miền Trung với 740.900 đồng và 902.000 đồng tương ứng. Do đó, đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội của khu vực dự án cho thấy rằng vùng này có hầu hết các nhược điểm về điều kiện sống so với cả nước, nơi sinh sống của những người nghèo và nhiều dân tộc thiểu số, và nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp với thu nhập thấp.

27. **Sử dụng đất:** Trong khu vực dự án, đất nông nghiệp chiếm khoảng 17%, phần còn lại là đất rừng (khoảng 57%), đất nông nghiệp, lâm nghiệp và đất chưa sử dụng giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, các nhà máy, xí nghiệp, khu đô thị và nhà xưởng.

Các tỉnh dự án có các loại đất tự nhiên khác nhau, Thanh Hóa (11.133.000 ha) và Quảng Nam (10.438.000 ha) là hai khu vực lớn nhất. Phú Thọ và Quảng Trị là hai khu vực nhỏ nhất (lần lượt là 3.533.000 và 4.747.000 ha). Thanh Hóa cũng có diện tích đất nông nghiệp vượt trội (khoảng 250.000 ha), gấp Quảng Trị, Phú Thọ khoảng 3,5 lần. Thanh Hóa và Quảng Nam có diện tích rừng lớn nhất.

Tại khu vực dự án, nông nghiệp là ngành kinh tế chính, nguồn thu nhập chính của người dân địa phương, do đó đất canh tác là các nguồn tài nguyên sản xuất lớn của hộ gia đình, chẳng hạn như đất ở 99,5%, 95,2% đất trồng lúa, 49,2% đất trồng rau, 23,3% hộ gia đình trồng rừng công nghiệp và 15,3% hộ gia đình có đất nông nghiệp. Nông nghiệp chiếm ưu thế và quyết định tại địa phương, theo số liệu khảo sát các loại đất của hộ gia đình. Và do đó nhu cầu nước tưới cho các khu vực này rất lớn, đặc biệt là các khu vực này thường xuyên phải đối mặt với thời tiết khắc nghiệt cũng như các hệ thống tưới tiêu là không hoạt động tốt. Số liệu điều tra trong tỉnh cho thấy, diện tích lúa của hộ gia đình trong khu vực đồi núi ít hơn so với các tỉnh khác, như Phú Thọ và Hà Giang. Tỷ lệ đất trồng rau cao, 57-77% ở Hà Tĩnh, Quảng Trị và Hà Giang. Tỷ lệ cho khu vực nhà máy công nghiệp cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Hòa Bình và Hà Giang, hơn 45,0%.

Bảng 4: Cơ cấu sử dụng đất trong các tỉnh dự án

Tỉnh dự án	Tổng diện tích	Diện tích sản xuất nông nghiệp	Diện tích rừng	Diện tích sử dụng đặc biệt	Diện tích nhà	Diện tích bờ biển
	(Nghìn ha)	(Nghìn ha)	(Nghìn ha)	(Nghìn ha)	(Nghìn ha)	(Nghìn ha)
Hà Giang	791,5	152,7	530,4	12,4	6,7	
Phú Thọ	353,3	98,7	178,4	26,4	9,4	
Hòa Bình	460,9	65,3	285,9	24,2	19,3	
Thanh Hóa	1113,2	247,6	600,1	70,8	52,0	102
Hà Tĩnh	599,7	120,6	350,9	42,9	8,7	137
Quảng Trị	474,0	88,5	290,2	16,5	4,3	75
Quảng Nam	1043,8	112,8	682,3	34,2	21,1	125
Tổng cộng	4836,4	886,2	2918,2	227,4	121,5	439

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê, 2011

28. **Nghề nghiệp:** Trong cơ cấu nghề nghiệp của các thành viên hộ gia đình có thu nhập tại khu vực dự án, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất 46,1%, đứng thứ hai là học sinh, chiếm 19,8%; còn lại nhân viên, cán bộ, công chức, công nhân ít hơn 10 phần trăm cho mỗi loại hình nghề nghiệp; tỷ lệ bán hàng/dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và nội trợ đặc biệt thấp, dưới 1,5% (xem bảng 2, phụ lục A). Do đó nông-lâm-ngư nghiệp là ngành chiếm ưu thế trong nền kinh tế xã hội trong vùng dự án, nơi mà lực lượng lao động chiếm hầu hết. Theo địa bàn tỉnh, tỷ lệ nông-lâm-ngư nghiệp cao nhất là ở Hòa Bình (61,8%), Quảng Nam (50,0%), Hà Giang (48,9%). Tỷ lệ phi nông nghiệp cao hơn ở Phú Thọ (5,1%) và Quảng Trị (2,7%). Tỷ lệ hộ gia đình nông-lâm-ngư nghiệp là người Kinh thấp hơn so với các dân tộc thiểu số (tương ứng 44,4% và 54,1%). Ngược lại, tỷ lệ hộ có việc làm phi nông nghiệp dân tộc Kinh cao hơn so với dân tộc thiểu số (tương ứng 2,1% và 0,9%). Về tỷ lệ đóng góp hiện

nay theo nghề nghiệp vào thu nhập gia đình, khảo sát cho thấy tỷ lệ tương đối cao những người phụ thuộc, chiếm 35,1%, trong đó có một tỷ lệ đáng kể người lao động thất nghiệp và thiếu việc làm, bao gồm chủ yếu là sinh viên, học sinh và trẻ con/người già, người tàn tật và thậm chí người trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ thất nghiệp khá cao trong các khu vực như Phú Thọ (9,0%) và Hà Giang (7,6%).

29. **Cấp nước. Nước sinh hoạt:** Phần lớn các hộ gia đình trong khu vực dự án sử dụng nước giếng (81,1%) cho các mục đích sinh hoạt, tỷ lệ sử dụng nước từ các nguồn khác khá thấp: 7,7% từ ao, hồ/sông, 6,5% sử dụng nước máy hộ gia đình, 2,4% sử dụng vòi nước công cộng, 1,4% sử dụng nguồn nước khác và 1,0% sử dụng nước mưa. Trong khu vực nông thôn, 91,5% nguồn nước bao gồm nước giếng, nước máy hộ gia đình, vòi nước công cộng và nước mưa, được sử dụng cho các mục đích sinh hoạt. Việc sử dụng nước tắm rửa từ nước máy hộ gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất tại Hòa Bình (17,5%) và Quảng Trị (17,3%). Nước giếng chiếm tỷ lệ cao nhất trong các tỉnh: Thanh Hóa (100,0%), Hà Tĩnh (97,0%) và Phú Thọ (92,3%). Nguồn nước từ ao, hồ, sông sử dụng để tắm và giặt chiếm tỷ lệ cao nhất ở Hà Giang, 55,0%.

Nước uống: So với nước tắm giặt, nước uống có các chỉ số cụ thể cao hơn như: 70,7% từ giếng, 8,6% từ nước mưa và 8,4% từ vòi nước, 7,0% từ ao hồ, sông, 2,6% từ nước công cộng, 1,7% sử dụng khác nguồn nước, và 1,0% phải mua nước. Nếu xét theo các nguồn nước tương đối sạch ở nông thôn, các nguồn này bao gồm: nước máy, giếng khoan/đào, mưa và nước mưa. 88,7% được coi là tương đối sạch cho nước uống trong vùng dự án. Trong một số trường hợp, việc sử dụng tài nguyên nước ao hồ, suối địa phương không đảm bảo cho việc ăn uống chiếm tỷ lệ cao như ở Hà Giang 55,0% và Hòa Bình 12,3%.

Nước cho nông nghiệp: Tình trạng lũ lụt trong mùa mưa hay xảy ra trong khu vực trung tâm nhất do tác động của thủy triều và hoạt động xả lũ của các hồ chứa, v.v. Trong các tỉnh miền núi, hạn hán, thiếu nước sạch cho sinh hoạt và chăn nuôi trong mùa khô có ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Do đó, trong vùng dự án, nước cho sinh hoạt và nước uống không đáp ứng về số lượng và chất lượng. Dự án VIAIP sẽ thực hiện để đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực dự án.

30. **Dân tộc thiểu số:** Về các đặc điểm dân cư, các khu vực miền núi phía Bắc là nơi sinh sống của 30 dân tộc, chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, trong khi tại Miền Trung có 25 nhóm dân tộc khác nhau tập trung tại các khu vực dọc theo dãy Trường Sơn.

- Quy mô hộ gia đình, số liệu điều tra cho thấy hộ gia đình người Kinh ít con hơn so với các gia đình dân tộc thiểu số: quy mô dân số trung bình của các hộ gia đình người Kinh (4,21), so với các dân tộc thiểu số (4,35). Nhìn chung, các gia đình dân tộc thiểu số có quy mô dân số lớn hơn so với người Kinh, quy mô dân số Kinh là 5 con hoặc nhiều hơn là 38,4% và tỷ lệ này ở các dân tộc thiểu số là 45,1%.
- Nghề nghiệp, tỷ lệ hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong nhóm người Kinh thấp hơn so với dân tộc thiểu số (44,4% so với 54,1%). Ngược lại, tỷ lệ hộ gia đình có công ăn việc làm phi nông nghiệp ở người Kinh cao hơn so với dân tộc thiểu số (2,1% so với 0,9%).

- Giáo dục, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tỷ lệ mù chữ cao hơn so với người Kinh (3,8% so với 1,2%) và tỷ lệ bỏ học (8,6% so với 6,5%).
- Sức khỏe, bệnh tật trong tháng vừa qua của dân tộc Kinh thấp hơn dân tộc thiểu số (48,0% so với 52,1%).
- Sử dụng nước: Có nhiều ràng buộc xung quanh vấn đề sử dụng nước đó là nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng do mở rộng diện tích canh tác cây trồng và dân số tập trung ở các khu vực có điều kiện sống thuận lợi trong khi đó nguồn nước thu được trong đất lại giảm do giảm diện tích rừng. Hồ chứa tại Khu vực Miền núi phía Bắc được đắp đập đất mà không được bảo trì thường xuyên hiện nay đã xuống cấp; mạng lưới kênh chưa hoàn chỉnh và bị rò rỉ. Những xung đột xung quanh vấn đề phân chia nước tưới được phát hiện tại các khu vực khảo sát như xã Hùng An, Yên Minh, Hùng Trảng, tỉnh Hà Giang, xã Gia Mô, tỉnh Hòa Bình. Người dân địa phương phải lấp đặt các kênh nước từ những cái lạch ở vùng sâu vùng xa và đôi khi phải lấy nước vào ban đêm. Thực trạng thiếu nước càng trở nên nghiêm trọng vào mùa khô do thiếu máy bơm nước và thiếu lao động nam (nam giới rời bỏ làng để đi kiếm sống ở những vùng xa), trình độ kỹ thuật thấp và chi phí nhiên liệu để bơm nước cao do đó chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu sử dụng nước. Nước sinh hoạt chủ yếu được khai thác từ các lạch mà không được xử lý và nguồn nước sinh hoạt thiếu vào mùa khô, do đó đôi khi người dân phải lấy nước từ nơi xa. Ở một số khu vực (thị trấn Yên Minh, tỉnh Hà Giang), nước được lưu trữ ở các thùng phân phối nhưng thiếu nguồn nước do đó ô nhiễm môi trường và các bệnh liên quan đến nước không được giảm thiểu.
- Về vệ sinh môi trường, các hộ gia đình người Kinh có tỷ lệ nhà vệ sinh không hợp vệ sinh thấp hơn so với các dân tộc thiểu số: 17,4% so với 60,5%.
- Mức sống, tỷ lệ khá giả cũng như tỷ lệ nghèo của người Kinh chỉ là một nửa so với các các nhóm dân tộc thiểu số khác (11,0% so với 22,5%).
- Vấn đề giới: Lao động nông nghiệp chính tại dân tộc Tày, Dao, Giáy, Mường, Cao Lan ở Khu vực Miền núi phía Bắc là phụ nữ. Phụ nữ những nơi này có thể cày bừa bằng trâu, gieo hạt, cấy, gặt, chăm bón, tưới nước và bón phân trong khi đó nam giới làm những công việc nặng như vận hành máy cày và chở lúa. Mặc dù vấn đề công bằng giới tại các địa phương đã cải thiện vai trò của phụ nữ trong nhà và công tác xã hội, nông nghiệp, tiếp cận các dịch vụ xã hội, góp phần tăng thu nhập hộ gia đình, quản lý tài chính và chăm sóc con cái nhưng họ vẫn chỉ đóng vai trò thứ hai sau người chồng – trụ cột gia đình do phong tục và truyền thống. Tỷ lệ cán bộ nữ ở các chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội giữa Khu vực Miền núi phía Bắc và Vùng Duyên hải Miền Trung có sự chênh lệch (25% so với 33%). Hầu hết các cán bộ nữ đến từ các gia đình đều là những người được giáo dục tốt, giàu có, hạnh phúc và họ cũng đóng vai trò quan trọng trong gia đình.

Tóm lại, các hộ gia đình bị ảnh hưởng là người dân tộc thiểu số rất ủng hộ IAIP/VIAIP khi họ nhận thức rằng dự án này về cơ bản mang lại nhiều lợi ích, nhiều tác động tích cực để cải thiện cuộc sống tương lai của họ tốt đẹp hơn.

V. KHUNG THAM VẤN VÀ THAM VẤN PHỔ BIẾN THÔNG TIN

5.1 Quá trình tham vấn

31. Một trong những mục đích của quá trình tham vấn và họp dân thường xuyên là nhằm hạn chế tối đa mức độ không hài lòng của những người BAH bởi dự án thông qua việc lồng ghép các quan điểm và mối quan tâm của những người liên quan vào quá trình thiết kế và thực hiện dự án. Cách tiếp cận tham dự sẽ khuyến khích người DTTS nêu lên bất kỳ mối quan ngại nào trước khi các xung đột có thể nảy sinh và đưa ra sự chấp thuận của họ.

32. Đối với dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới, một quá trình tham vấn hai bước được thiết kế để đảm bảo Chính sách Người bản địa (OP4.10) của NHTG được tuân thủ:

Bước 1: Các cuộc tham vấn trong quá trình chuẩn bị dự án với các nhóm người DTTS tại các khu vực TDA nơi họ sinh sống, thông qua tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin, để chắc chắn rằng các TDA đề xuất nhận được sự ủng hộ rộng rãi của các nhóm DTTS bị ảnh hưởng; và để xác định quan điểm của người DTTS trên quy mô rộng. Các chuyên gia xã hội kết hợp với cán bộ các Ban QLDA và chính quyền các xã xác định các cộng đồng DTTS BAH tiềm năng và thực hiện các cuộc tham vấn. Phụ nữ trong các cộng đồng DTTS được chọn ngẫu nhiên để thực hiện các cuộc thảo luận nhóm riêng với họ. Các chủ đề thảo luận bao gồm thông tin về dự án; các đặc trưng văn hóa của các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng; các mạng lưới xã hội; mong muốn của các cộng đồng để cải thiện tình trạng của họ nhằm nâng cao mức sống thông qua các hoạt động can thiệp của dự án; và sự ủng hộ rộng rãi của các cộng đồng đối với dự án.

Bước 2: Các cuộc tham vấn trong quá trình thực hiện dự án với các nhóm người DTTS nhằm thu thập thông tin về những nhu cầu và thách thức cụ thể mà người DTTS đang đối mặt, và xác định bất cứ khu vực tiềm ẩn nào mà có thể cần có thêm hỗ trợ và/ hoặc các loại hình hỗ trợ khác. Trong dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới, CPO sẽ tuyển chọn một đội chuyên gia tư vấn xã hội để thực hiện các cuộc tham vấn này. Đội tư vấn sẽ xây dựng các quy trình và hướng dẫn tham vấn, đảm bảo rằng các cuộc tham vấn sẽ được thực hiện đúng chỗ, đúng lúc, và theo một cách thức có thể tiếp cận được của các cộng đồng DTTS cũng như đảm bảo rằng tất cả các nhóm người DTTS được tham gia vào quá trình tham vấn và tạo ra một môi trường tham vấn với những cuộc thảo luận cởi mở và thành thật, không có sự can thiệp hay đe dọa từ bên ngoài.

33. Quá trình tham vấn cần đảm bảo rằng các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng (i) ủng hộ rộng rãi các mục tiêu của dự án; (ii) nhận thức về các lợi ích của dự án và tin rằng những lợi ích đó là phù hợp với văn hóa của họ; (iii) đã có đủ cơ hội để xác định những ưu tiên và hạn chế của họ liên quan tới đền bù và tái định cư và các vấn đề về môi trường.

5.2 Tham vấn người DTTS trong quá trình chuẩn bị dự án

34. Để thực hiện bước đầu tiên của quá trình tham vấn, CPO đã ký hợp đồng với Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam để thực hiện tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS theo một cách thức phù hợp về văn hóa của họ tại các khu vực TDA đề xuất nơi có người DTTS sinh sống. Tham vấn được thực hiện thông qua thảo luận nhóm tập trung với một số lượng mẫu nhỏ người DTTS (từ 15 đến 30 người mỗi làng/bản). Những người tham gia được lựa chọn một cách ngẫu nhiên kết hợp với chọn mẫu có chủ đích để thu thập được nhiều quan điểm, góc nhìn hơn. Thảo luận nhóm là một phương pháp thích hợp cho tham vấn vì nó khuyến khích sự chia sẻ cũng như

tranh luận về các quan điểm và ý tưởng liên quan tới TDA đề xuất.

35. Các chuyên gia xã hội đã thực hiện các cuộc tham vấn tự do, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin ở các thôn có người DTTS sinh sống trong phạm vi 2 tỉnh dự án, bao gồm Hòa Bình (với người Mường và Thái) và Hà Giang (với người H, mong và Tày). Trong số các cuộc tham vấn này, Tư vấn đã có 3 cuộc tham vấn riêng với nhóm phụ nữ DTTS. Các chủ đề đã được thảo luận bao gồm: (i) cung cấp thông tin về các TDA và các nguyên tắc bồi thường và TĐC của dự án cho người BAH; (ii) tìm hiểu về lịch sử thiên tai (bão lụt và hạn hán), hiện trạng về thoát nước và vệ sinh nông thôn; (iii) tìm hiểu về hiện trạng kinh tế - xã hội của khu vực; (iv) lựa chọn các hình thức bồi thường và TĐC của người BAH khi bị thu hồi đất; và (v) sự nhất trí và ủng hộ rộng rãi của họ đối với dự án và những kiến nghị hay đề xuất của họ với dự án.

36. Mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể của dự án được trình bày với người tham dự và tất cả những người tham gia đều bày tỏ nguyện vọng và mối quan tâm của họ về cải thiện sản xuất nông nghiệp. Tất cả những người tham gia đều ủng hộ dự án và mong muốn dự án sẽ sớm được thực hiện để nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp hàng năm. Bản tóm tắt nội dung các cuộc tham vấn được đính kèm trong phần Phụ lục 1. Bên cạnh đó, người DTTS và người tham gia khác cũng bày tỏ quan điểm của họ về:

- ✓ đồng ý và đồng thuận để thực hiện dự án và Khung chính sách dân tộc thiểu số đề xuất của dự án VIAIP;
- ✓ bày tỏ hy vọng rằng tiểu dự án cần được thực hiện càng sớm càng tốt bởi vì hệ thống thủy lợi hiện có của họ đã bị xuống cấp nghiêm trọng;
- ✓ bày tỏ rằng tiểu dự án sẽ sử dụng lao động địa phương trong giai đoạn xây dựng và đề xuất xây dựng kênh mương nội đồng để đảm bảo khả năng tưới nước;

5.3 Tham vấn người DTTS trong quá trình thực hiện dự án

37. Trong giai đoạn thực hiện dự án, người DTTS sẽ được tham vấn về tất cả các hoạt động của TDA mà có thể có tác động tích cực hay tiêu cực tiềm ẩn tới họ trong suốt các giai đoạn của TDA. Mọi nỗ lực sẽ được thực hiện để có sự tham gia của người DTTS vào việc lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện, và giám sát các biện pháp nhằm tăng tối đa các lợi ích của dự án hoặc tránh các tác động tiêu cực hoặc nếu không thể tránh khỏi thì hạn chế, giảm thiểu, hay đền bù cho những tác động đó.

38. Các Ban QLDA tỉnh (PPMU) sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo sự tham gia của cộng đồng thông qua các UBND phường/ xã, các nhóm cộng đồng/ hiệp hội, các lãnh đạo địa phương và lãnh đạo người DTTS, Hội Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc, và các cơ quan địa phương chịu trách nhiệm về những vấn đề dân tộc thiểu số. Việc mời mọi người dân trong làng bản tham gia họp và thực hiện những cuộc họp riêng rẽ với phụ nữ DTTS là hết sức quan trọng để biết được quan điểm của họ về các hoạt động dự án cũng như xác định các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến đời sống của họ.

39. Ban QLDA tỉnh sẽ tổ chức họp thường xuyên với UBND xã, Hội phụ nữ, trưởng làng/ bản, và cộng đồng địa phương nhằm đảm bảo rằng tất cả những người liên quan đều nhận thức đầy đủ và hiểu về nội dung dự án. Mục đích của tham vấn là tất cả những người DTTS dự kiến bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ được thông tin thỏa đáng và thông tin sớm về dự án, quy mô dự án, những tác động dự kiến tới cộng đồng địa phương, các biện pháp giảm thiểu, cơ chế giải quyết khiếu kiện, và kế hoạch thực hiện. Những cuộc họp này sẽ được lập kế hoạch theo những mốc thời gian đã định trong suốt các giai đoạn của TDA. Ban QLDA

ting sẽ phối hợp với Ban dân tộc cấp tỉnh hoặc cán bộ phụ trách về DTTS cấp huyện để đảm bảo rằng tất cả các tác động đều được xác định và giải quyết kịp thời.

40. Thông qua quá trình tham vấn, Ban QLDA tỉnh sẽ thông báo cho người DTTS về quyền lợi của họ, quy mô của dự án, và những tác động tiềm ẩn tới sinh kế, môi trường và tài nguyên. Ban QDLA tỉnh sẽ trình nộp tài liệu về quá trình tham gia và tham vấn cho NHTG xem xét và kiểm tra. Khi có sự khác biệt lớn hay mâu thuẫn giữa người DTTS và cơ quan thực hiện dự án, Ban QLDA tỉnh sẽ sử dụng một quy trình thương thảo “thiện chí” để giải quyết những khác biệt đó. Thương thảo thiện chí bao gồm sự tôn trọng lẫn nhau về những khác biệt văn hóa, thảo luận các vấn đề với người đại diện hợp pháp của người DTTS, cho phép có đủ thời gian để đưa ra quyết định, sẵn sàng thỏa hiệp và ghi chép lại kết quả. Nếu không có sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng cho TDA, NHTG sẽ không tài trợ cho TDA đó.

41. Cần lưu ý là không phải tất cả người DTTS ở Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ, người già, và những người sống trong các cộng đồng DTTS ở vùng nông thôn hẻo lánh, kỹ năng đọc tiếng Việt của họ có thể rất hạn chế. Trình độ học vấn và khả năng biết đọc biết viết của người DTTS bị ảnh hưởng sẽ được xác định qua đánh giá tác động xã hội. Những phương pháp và phương thức giao tiếp/ truyền thông phù hợp về văn hóa và giới sẽ được sử dụng để xóa bỏ những rào cản giao tiếp. Việc này có thể bao gồm việc dịch tài liệu ra tiếng dân tộc, sử dụng phiên dịch trong các cuộc họp cộng đồng; sử dụng nhiều hơn phương thức giao tiếp bằng hình ảnh tại các TDA nơi các cộng đồng DTTS mù chữ hay có trình độ văn hóa thấp; và tổ chức họp riêng rẽ cho phụ nữ và nam giới theo phong tục văn hóa địa phương tại những nơi cần thiết.

5.4 Các nguyên tắc tham gia của người DTTS

42. Các nguyên tắc phát triển dân tộc thiểu số chính của dự án là:

- Người dân tộc thiểu số được khuyến khích và sắp xếp tại chỗ để đảm bảo sự tham gia của họ trong các hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến hoặc/và có lợi cho họ.
- Dự án sẽ đảm bảo hỗ trợ các hoạt động phù hợp với văn hóa, trong đó có tính đến ngôn ngữ của họ, thực tế đời sống, phong tục và truyền thống. Liên quan đến tái định cư: tác động tiêu cực đến cộng đồng DTTS sẽ được tránh hoặc giảm thiểu bằng cách tìm tất cả các phương án khả thi như xây dựng hệ thống thủy lợi; hộ DTTS bị ảnh hưởng được bồi thường đầy đủ cho các tài sản bị mất hoặc tài sản bị ảnh hưởng, thu nhập và các hoạt động kinh doanh dựa trên giá thay thế, và các biện pháp phục hồi sinh kế thích hợp sẽ được cung cấp để hỗ trợ họ cải thiện hoặc ít nhất duy trì mức sống, thu nhập và khả năng sản xuất như cùng cấp trước khi thực hiện dự án. Trong các tiểu dự án, tất cả các hộ gia đình DTTS bị ảnh hưởng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp (GCNQSDĐ) sẽ được bồi thường đầy đủ cho đất bị ảnh hưởng của họ, nhà ở và tài sản bị mất. Hộ DTTS sẽ được di dời trong khu vực cộng đồng của họ hoặc ưu tiên để đảm bảo duy trì văn hóa và sự gắn kết và các tổ chức xã hội của họ; tiến độ thực hiện và ngân sách cho việc lập kế hoạch và thực hiện EMDP phải được đưa vào mỗi tiểu dự án và dự án tổng thể; bổ sung bồi thường tài sản đất đai và tài sản bị mất; hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ, hộ gia đình có người tàn tật và người già sẽ được cung cấp với các khoản phụ cấp đặc biệt để giúp họ khôi phục sinh kế và thu nhập của họ.

VI. TỔ CHỨC THỂ CHẾ

6.1 Bố trí tăng cường năng lực

43. Kết quả đánh giá xã hội cho thấy năng lực của các cơ quan thực hiện RP và EMDP cấp tỉnh và cấp huyện cần được tăng cường và cải thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu của NHTG. Đồng thời cần phải xây dựng năng lực cho các cộng đồng địa phương, đặc biệt các cộng đồng người DTTS, để thực hiện và giám sát RP và EMDP. Do đó, CPO chịu trách nhiệm cung cấp các khóa đào tạo, tập huấn và hội thảo về việc thực hiện và giám sát RP và EMDP cho các cơ quan thực hiện và cộng đồng địa phương, trong đó có các cộng đồng người DTTS. CPO sẽ thuê các chuyên gia xã hội để thực hiện những nhiệm vụ này. Việc đào tạo cần được thực hiện trước khi bắt đầu triển khai bất kỳ hoạt động nào liên quan tới việc thực hiện RP và EMDP. Các khóa đào tạo nên được tổ chức tại từng cấp, bao gồm các cấp tỉnh, huyện, và xã để các bên thực hiện dự án có thể tham dự. Các khóa đào tạo cho người DTTS cần được tổ chức theo một cách thức phù hợp với văn hóa của họ.

6.2 Lập kế hoạch phát triển, chuẩn bị và thực hiện EMDP

Sàng lọc

44. Ban QLDA tỉnh sẽ chịu trách nhiệm sàng lọc xem liệu người DTTS có sinh sống hay có mối gắn kết tập thể nào không trong các khu vực của TDA đề xuất. Nếu có thì cần thực hiện một đánh giá xã hội (SA) tại các khu vực TDA để đánh giá những tác động có thể có của TDA tới người DTTS và thu thập số liệu để chuẩn bị EMDP. Đánh giá xã hội sẽ được thực hiện theo các quy trình nêu trong Chương 4 và 5 của EMPF. CPO cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các Ban QLDA tỉnh để thực hiện đánh giá xã hội.

Chuẩn bị EMDP

45. Khi đánh giá xã hội xác định rằng TDA đề xuất ảnh hưởng tới người DTTS, một Khung phát triển DTTS (EMDP) sẽ phải được lập cho TDA nhằm đảm bảo rằng (a) người DTTS bị ảnh hưởng bởi các tiêu dự án nhận được các lợi ích phù hợp với điều kiện văn hóa, xã hội và kinh tế của họ; (b) khi các tác động bất lợi đến người DTTS được xác định, các tác động bất lợi đó cần được tránh, giảm thiểu hoặc bồi thường. Khi người DTTS là người hưởng lợi trực tiếp duy nhất hoặc chiếm đa số những người hưởng lợi trực tiếp của dự án, thì các nội dung của EMDP sẽ được đưa vào trong thiết kế tổng thể của dự án và bao gồm trong Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) của các TDA mà không cần lập một EMDP riêng rẽ cho mỗi TDA.

46. Ban QLDA tỉnh chịu trách nhiệm chuẩn bị EMDP với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia xã hội và CPO. EMDP sẽ được lập một cách linh hoạt và thực tế, mức độ chi tiết của EMDP phụ thuộc vào từng dự án cụ thể và tính chất của các tác động sẽ được giải quyết. EMDP cần bao gồm những nội dung sau (xem Đề cương mẫu của EMDP trong Phụ lục 2):

- (i) Một tóm tắt thông tin về khung pháp lý và thể chế áp dụng cho người DTTS; thông tin về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa, và chính trị của cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng, đất đai và lãnh thổ mà họ sở hữu theo truyền thống hay sử dụng và chiếm hữu theo phong tục, tập quán, và các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc.

- (ii) Một tóm tắt về đánh giá xã hội.
- (iii) Một tóm tắt về kết quả tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng đã được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án và đem lại sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng đối với dự án.
- (iv) Một khung đảm bảo tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện dự án.
- (v) Một kế hoạch hành động cho những biện pháp nhằm đảm bảo rằng người DTTS nhận được các lợi ích kinh tế - xã hội phù hợp về văn hóa, kể cả các biện pháp nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án nếu cần thiết.
- (vi) Khi đã xác định được các tác động tiêu cực tiềm ẩn tới người DTTS, cần lập một kế hoạch hành động phù hợp gồm những biện pháp nhằm tránh, hạn chế, giảm thiểu, hoặc đền bù cho những tác động tiêu cực đó.
- (vii) Ước tính chi phí và kế hoạch tài chính để thực hiện EMDP.
- (viii) Khả năng tiếp cận các thủ tục, phù hợp với dự án, để giải quyết các khiếu kiện, khiếu nại của người DTTS nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án. Khi thiết lập các thủ tục giải quyết khiếu nại, sự hiện có của các cơ quan tòa án và cơ chế giải quyết tranh chấp theo tập tục của người DTTS cần được xem xét.
- (ix) Các cơ chế và mốc thời gian phù hợp với dự án cho các hoạt động giám sát, đánh giá, và báo cáo về việc thực hiện EMDP. Các cơ chế giám sát và đánh giá cần bao gồm cả việc bố trí thực hiện tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin cho các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng.

Thực hiện EMDP

47. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh/huyện phối hợp với UBND xã (CPC), chịu trách nhiệm thực hiện EMDP. Ban QLDA tỉnh hỗ trợ và giám sát việc thực hiện EMDP. Tất cả các hoạt động của việc thực hiện EMDP trong suốt quá trình TDA cần được triển khai theo một cách thức phù hợp về văn hóa của người DTTS bị ảnh hưởng.

48. Nhằm đảm bảo sự tham gia ở cấp cơ sở trong quá trình thực hiện và giám sát EMDP, một nhóm/ tổ chức những người dân địa phương ở cấp cộng đồng sẽ được thiết lập để tham gia lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, vận hành, và duy trì EMDP. Ban QLDA tỉnh sẽ thiết lập quy trình đối thoại và họp mặt thường xuyên với các chính quyền địa phương, Ban Dân tộc, đại diện của các nhóm cộng đồng, và già làng/ trưởng bản đại diện cho người DTTS. Các tổ chức quần chúng, đặc biệt là Hội phụ nữ, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện và giám sát EMDP. NHTG sẽ xem xét EMDP trước khi thông qua các TDA.

VII. CƠ CHẾ KHIẾU KIỆN

7.1 Những nguyên tắc chính của cơ chế khiếu kiện

49. Trong quá trình thực hiện dự án, người DTTS và các cộng đồng địa phương khác và những người liên quan tới dự án có thể khiếu nại lên các cơ quan thực hiện hoặc chính quyền địa phương. Do vậy, Cơ chế giải quyết khiếu kiện cho toàn bộ dự án và để áp dụng cho tất cả các hợp phần của các TDA cũng sẽ được áp dụng cho người DTTS. Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được đối với người DTTS BAH, việc cuộc tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng người BAH về cơ chế này sẽ được thực hiện cho tất cả các tiểu dự án/các hoạt động và đòi hỏi các nguyên tắc chính để đảm bảo:

- (i) Những quyền và lợi ích cơ bản của người DTTS bị ảnh hưởng,
- (ii) Người DTTS có quyền khiếu kiện và được giải quyết khiếu kiện miễn phí.
- (iii) Cơ chế giải quyết khiếu kiện sẽ là một phần quan trọng của cơ chế giải quyết xung đột dựa vào cộng đồng và phù hợp về văn hóa.

50. Cơ chế khiếu kiện phải được phổ biến công khai cho những cộng đồng BAH và họ cần được thông báo về các địa chỉ liên hệ của những tổ chức tương ứng tại bất kỳ cấp liên quan nào mà người khiếu kiện có thể gửi khiếu nại của mình. Các khiếu kiện liên quan tới bất cứ khía cạnh nào của dự án sẽ được giải quyết thông qua thương lượng nhằm đạt được sự đồng thuận.

7.2 Cơ chế giải quyết khiếu nại

51. Cơ chế giải quyết khiếu kiện được xây dựng để giải quyết các khiếu nại, phàn nàn của người DTTS sẽ gồm 3 giai đoạn trước khi khiếu kiện được xem xét giải quyết tại tòa án như là phương án cuối cùng.

Giai đoạn 1, tại cấp UBND xã. Một hộ bị ảnh hưởng có khiếu nại sẽ gửi khiếu nại của họ tới bộ phận tiếp dân của UBND xã để được tiếp nhận và hướng dẫn các thủ tục cần thiết. UBND xã sẽ làm việc riêng với hộ có khiếu nại và sẽ có 5 ngày để giải quyết sau khi nhận được khiếu nại (ở những vùng hẻo lánh hoặc miền núi, khiếu nại có thể giải quyết trong vòng 15 ngày). UBND xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ khiếu nại mà họ đang xử lý. Khi UBND xã ban hành quyết định giải quyết, nếu hộ khiếu nại không đồng ý với quyết định đó thì có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Nếu quyết định lần hai được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ có thể khiếu nại lên UBND huyện.

Giai đoạn 2, tại cấp huyện: Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND huyện sẽ có 15 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng hẻo lánh và miền núi) kể từ khi nhận được khiếu nại để giải quyết. UBND huyện chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại mà họ đang xử lý. Khi UBND huyện ban hành quyết định, nếu hộ khiếu nại không đồng ý với quyết định đó thì có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì họ có thể khiếu nại lên UBND tỉnh.

Giai đoạn 3, tại cấp tỉnh: Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND tỉnh sẽ có 30 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng hẻo lánh và miền núi) kể từ khi nhận khiếu nại để giải quyết trường hợp đó. UBND tỉnh chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại được trình lên. Khi UBND tỉnh ban hành quyết định, nếu hộ khiếu nại không đồng ý với quyết định đó thì có thể kháng cáo trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Nếu quyết định lần hai đã được

ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ có thể khiếu nại lên tòa án trong vòng 45 ngày.

Giai đoạn 4, Tòa án phân xử: Nếu người khiếu nại nộp hồ sơ của vụ việc lên tòa án thì toàn án là cấp cuối cùng giải quyết khiếu nại của họ. Nếu tòa án ra quyết định đứng về phía người khiếu nại, khi đó chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức bồi thường lên mức mà tòa án quyết định. Trong trường hợp tòa án đứng về phía UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ nhận được khoản tiền bồi thường theo phương án bồi thường đã được duyệt và chấp hành các quy định về GPMB.

52. Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được đối với người DTTS BAH, cần tổ chức các cuộc tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng người BAH về cơ chế này, đặc biệt là tham vấn với các nhóm dễ bị tổn thương.

VIII. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

8.1. Các nguyên tắc

53. Nhằm đảm bảo EMDP được thực hiện một cách minh bạch và tuân thủ EMPF cũng như *Chính sách người bản địa* (OP4.10) của NHTG, một Cơ chế giám sát và đánh giá cần được thiết lập và triển khai cho tất cả các hợp phần của dự án trong suốt quá trình thực hiện dự án. Giám sát và đánh giá là một quá trình liên tục. Ban QLDA tỉnh sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ và một cơ quan bên ngoài do CPO tuyển chọn sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá độc lập. Dựa trên cơ chế giám sát, một kế hoạch giám sát và đánh giá các biện pháp giảm thiểu sẽ được Ban QLDA tỉnh lập.

8.2 Giám sát nội bộ

54. Những mục tiêu của giám sát nội bộ là:

- a. đảm bảo rằng tất cả các tác động tiêu cực của các TDA tới người DTTS được giảm thiểu, hạn chế, hoặc đền bù theo RPF, RP, EMPF và EMDP.
- b. đảm bảo rằng các biện pháp tăng cường lợi ích và giảm thiểu tác động bất lợi được thực hiện một cách phù hợp về văn hóa cho người DTTS.
- c. xác định liệu tham vấn rộng rãi, tham vấn trước, và tham vấn phổ biến thông tin cho các cộng đồng DTTS có được thực hiện một cách phù hợp về văn hóa cho người DTTS không.
- d. xác định liệu các quy trình khiếu nại được tuân thủ theo EMPF và đề xuất giải pháp nếu có vấn đề tồn tại, chưa được giải quyết.
- e. sự phù hợp giữa thực hiện tái định cư và giải phóng mặt bằng với khởi công xây lắp nhằm đảm bảo rằng người DTTS bị ảnh hưởng được chi trả đền bù, hỗ trợ, và tái định cư một cách thỏa đáng trước khi các hoạt động thi công được triển khai.

55. Ban QLDA tỉnh sẽ thực hiện giám sát nội bộ hàng tháng. Tất cả các kết quả giám sát nội bộ phải được báo cáo lên CPO và NHTG. Trên thực tế, giám sát nội bộ việc thực hiện EMDP cần được kết hợp với giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch tái định cư (RP). Kết quả của cả hoạt động giám sát RP và giám sát EMDP nên được đưa vào một báo cáo trình CPO và NHTG xem xét.

8.3. Giám sát và đánh giá độc lập

56. Giám sát độc lập sẽ được thực hiện bởi một cơ quan độc lập có chuyên môn về khoa học xã hội. Hoạt động giám sát độc lập việc thực hiện EMDP cho tất cả các hợp phần của dự án nên được lồng ghép trong giám sát độc lập việc thực hiện RP với cùng phương pháp và chỉ số giám sát, nhưng tập trung vào người DTTS. Việc giám sát được thực hiện định kỳ hai lần một năm và báo cáo giám sát sẽ được trình nộp lên CPO và NHTG để xem xét.

57. Các chỉ số quan trọng về giám sát và đánh giá độc lập như sau:

- a. Tham vấn cộng đồng và nhận thức về lợi ích của dự án, chính sách tái định cư và các quyền lợi của DTTS bị ảnh hưởng;
- b. Việc kiểm đếm các tài sản bị ảnh hưởng và chi trả bồi thường theo chính sách trong hoạch tái định cư đã được phê duyệt;
- c. Thu hồi đất và các thủ tục chuyển nhượng;
- d. Xây dựng/xây dựng lại nhà ở và công trình trên phần đất còn lại hoặc tại nơi ở mới;

- e. Mức độ hài lòng của DTTS bị ảnh hưởng với các quy định và thực hiện các kế hoạch tái định cư và EMDP;
- f. Cơ chế khiếu nại (hồ sơ, quy trình, giải đáp) khắc phục;
- g. Hiệu quả và tính bền vững của các quyền lợi và các biện pháp phục hồi sinh kế cho thu nhập bị ảnh hưởng của DTTS;
- h. Tác động về giới và chiến lược giới;
- i. Khả năng của người DTTS bị ảnh hưởng trong việc khôi phục/thiết lập lại sinh kế và mức sống. Chú ý đặc biệt được cung cấp cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng và dễ bị tổn thương;
- j. Tác động tái định cư gây lên bởi các hoạt động xây dựng;
- k. Tham gia của các DTTS bị ảnh hưởng trong RP và lập kế hoạch EMDP, cập nhật và thực hiện;
- l. Năng lực thể chế, giám sát và báo cáo nội bộ và
- m. Các kênh vốn của chính phủ cho việc đền bù, trợ cấp DTTS bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu có.
- n. Số lượng các khóa đào tạo và hội thảo đã được tổ chức và số người hưởng lợi

IX. TỔ CHỨC PHỔ BIẾN THÔNG TIN

9.1 Phổ biến thông tin

58. Bản thảo EMDP sẽ được phổ biến tại cấp xã trong một cuộc họp cộng đồng với sự tham gia của tất cả những người liên quan. Bản EMDP cuối cùng cũng sẽ được phổ biến trong cuộc họp cấp xã. Phụ nữ đại diện cho những hộ BAH cần có mặt tại các cuộc họp phổ biến thông tin. Các bản sao EMDP (bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc, nếu cần) sẽ được đặt tại văn phòng UBND phường/ xã, nhà của các già làng/ trưởng bản của người DTTS. Ngoài ra, cần công bố thông tin tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam (VDIC) của Ngân hàng tại Ngân hàng thế giới tại Hà Nội và tại Infoshop.

59. Quan điểm của người DTTS trong cuộc họp tham vấn sẽ được ghi lại một cách thích hợp thông qua các biên bản họp. Đồng thời, nội dung của tất cả các cuộc họp thường xuyên giữa Ban QLDA tỉnh và lãnh đạo của người DTTS hay người đại diện được chọn tại các cuộc họp thôn bản sẽ được ghi chép lại. Tất cả những mối quan tâm, quan ngại của những người liên quan sẽ được ghi lại theo cách này để đưa vào quá trình lập kế hoạch cho dự án và sử dụng trong quá trình thực hiện để điều chỉnh các hoạt động của dự án. Bất kỳ mối quan ngại, yêu cầu, hay khiếu nại nào nêu ra trong các cuộc họp hay các đợt tham vấn khác sẽ được ghi chép theo cùng một cách thức.

9.2 Vấn đề ngôn ngữ

60. Nhằm đảm bảo phổ biến đầy đủ thông tin cho người DTTS, tất cả các hoạt động phổ biến thông tin liên quan tới Dự án sẽ được triển khai một cách thích hợp – bằng ngôn ngữ của nhóm người DTTS (nếu họ không thể đọc và nói tiếng Việt) – và phù hợp với văn hóa của họ. Tổ chức các cuộc họp cộng đồng tại làng bản, sử dụng phương pháp tham dự và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần thiết). Thông tin sẽ được niêm yết tại những nơi công cộng như văn phòng UBND xã/ phường hoặc nhà các già làng/ trưởng bản của người DTTS. Các thông tin nên được truyền tải chủ yếu dưới dạng hình ảnh nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin cho người DTTS có kỹ năng đọc hiểu kém.

X. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN

10.1 Dự kiến kinh phí

61. Khi xác định có người DTTS trong vùng dự án và bị ảnh hưởng bởi dự án, Ban quản lý dự án tỉnh (PPMU) cần tiến hành thực hiện (i) một cuộc đánh giá xã hội ở nơi người DTTS bị ảnh hưởng; (ii) tham vấn tự do, trước và phổ biến thông tin với cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng; (iii) chuẩn bị một Kế hoạch phát triển DTTS cho mỗi tiểu dự án có người DTTS bị ảnh hưởng. PPMU cần tuyển chọn một đội/cơ quan tư vấn xã hội để thực hiện các hoạt động này. Trong số 7 tỉnh dự án, hai (02) tỉnh (bao gồm Hòa Bình và Hà Giang) được xác định là có người DTTS sống trong khu vực các tiểu dự án được đề xuất và bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, các báo cáo EMDP sẽ được chuẩn bị cho các TDA có người dân tộc thiểu số.

62. Kinh phí thực hiện EMDP sẽ được tính trong khi lập EMDP của mỗi tỉnh căn cứ vào các hoạt động cụ thể được đề xuất cho mỗi EMDP. EMDP sẽ xác định và cung cấp ngân sách để thực hiện dự án.

10.2 Nguồn kinh phí

63. Nguồn kinh phí để lập và thực hiện EMDPs có thể được lấy từ vốn đối ứng của Chính phủ và được bao gồm trong kinh phí thực hiện chính sách an toàn xã hội của dự án.

XI. CÁC PHỤ LỤC: TÓM TẮT THAM VẤN CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Phụ lục 1: TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN NGƯỜI DTTS

1. Mục đích tham vấn

Cuộc thảo luận nhóm nhằm: (i) cung cấp thông tin về các TDA và các nguyên tắc bồi thường và TĐC của dự án cho người BAH; (ii) tìm hiểu về lịch sử thiên tai (bão lụt và hạn hán), hiện trạng về thoát nước và vệ sinh nông thôn; (iii) tìm hiểu về hiện trạng kinh tế - xã hội của khu vực; (iv) lựa chọn các hình thức bồi thường và TĐC của người BAH khi bị thu hồi đất; và (v) sự nhất trí và ủng hộ rộng rãi của họ đối với dự án và những kiến nghị hay đề xuất của họ với dự án.

2. Nội dung tham vấn

- Các thông tin về dự án
- Các hoạt động sinh kế hiện tại của người dân
- Hiện trạng về hệ thống thủy lợi và cung cấp nước sạch ở địa phương
- Các vấn đề về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
- Đánh giá sự ủng hộ của người dân đối với dự án

3. Phương pháp tham vấn

Thảo luận nhóm với người DTTS bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng được chọn từ các nhóm hộ khác nhau theo mức sống, theo giới tính, theo độ tuổi. Mỗi nhóm từ 15 – 30 người tham dự. Một chuyên gia xã hội hướng dẫn thảo luận và ghi chép các thông tin được trao đổi. Người dân thảo luận tự do theo hướng dẫn của chuyên gia xã hội, không có sự can thiệp hay ép buộc nào từ bên ngoài.

4. Tóm tắt kết quả tham vấn

TT	Tóm tắt kết quả tham vấn
1	<ul style="list-style-type: none">✓ Thời gian tham vấn: 3/3/2013✓ Địa điểm tham vấn: xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình✓ Đối tượng tham vấn: Nhóm dân tộc Mường✓ Số người tham dự: 25✓ Kết quả tham vấn:<ul style="list-style-type: none">1. Một số nét đặc trưng về văn hóa: Người Mường có ngôn ngữ riêng và trang phục truyền thống riêng nhưng chỉ mặc vào dịp lễ hội. Giao tiếp hàng ngày trong gia đình bằng tiếng dân tộc. Những người trẻ có thể đọc và viết tiếng Việt thành thạo, còn người già bị hạn chế hơn. Đã sống hòa nhập với

	<p>người kinh từ lâu đời ở địa phương, không thể phân biệt được người Mường với người Kinh qua diện mạo của họ. Nghi lễ ma chay, cưới xin của người Mường cũng tương tự như người Kinh.</p> <p>2. <i>Các hoạt động sinh kế chính mang lại thu nhập chủ yếu cho hộ gia đình:</i></p> <p>Người dân địa phương chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động của hạn hán vào mùa khô và úng ngập vào mùa mưa. Diện tích lúa được tưới thường xuyên chỉ chiếm 50%, còn lại phụ thuộc vào nước mưa.</p> <p>3. <i>Hiện trạng về hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch</i></p> <p>Hiện nay, đã có hệ thống thủy lợi nhưng chưa đồng bộ và đã bị xuống cấp. Chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước giếng khoan, nước mặt của khe, suối.</p> <p>4. <i>Thu hồi đất, bồi thường và TĐC</i></p> <p>Chủ yếu mong muốn nhận tiền mặt cho đất và tài sản bị ảnh hưởng.</p> <p>Mong muốn được bồi thường thỏa đáng, theo sát với giá thị trường</p> <p>Sẵn sàng bàn giao mặt bằng để phục vụ việc thi công</p> <p>5. <i>Ủng hộ dự án</i></p> <p>Người dân trong khu vực ủng hộ việc triển khai dự án</p> <p>Sẵn sàng đóng góp công sức, tạo điều kiện phối hợp với nhà thầu trong quá trình thi công</p> <p>Mong muốn dự án sớm được triển khai</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thời gian tham vấn: 4/3/2013 ✓ Địa điểm tham vấn: xã Mai Hịch, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình ✓ Đối tượng tham vấn: Nhóm dân tộc Thái ✓ Số người tham dự: 20 ✓ Kết quả tham vấn: <p>1. <i>Một số nét đặc trưng về văn hóa:</i></p> <p>Người Thái có ngôn ngữ riêng và trang phục truyền thống riêng nhưng chỉ mặc vào dịp lễ hội. Giao tiếp hàng ngày trong gia đình bằng tiếng dân tộc. Những người trẻ có thể đọc và viết tiếng Việt thành thạo, còn người già bị hạn chế hơn. Đã sống hòa nhập với người kinh từ lâu đời ở địa phương. Nghi lễ ma chay, cưới xin của người Thái khác với người Kinh, không cải táng mồ mã vì người Thái cho rằng chết nghĩa là chuyển sang sống tiếp tục ở một thế giới khác.</p> <p>2. <i>Các hoạt động sinh kế chính mang lại thu nhập chủ yếu cho hộ gia đình:</i></p> <p>Người dân địa phương chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động của hạn hán vào mùa khô và úng ngập vào mùa mưa. Ngoài ra, nguồn thu nhập phụ của các hộ dân là nghề thủ công truyền thống như đan len, dệt thổ cẩm, dịch vụ</p>

	<p>3. <i>Hiện trạng về hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch</i></p> <p>Hiện nay, đã có hệ thống thủy lợi nhưng chưa đồng bộ và đã bị xuống cấp. Chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước giếng khoan, nước mặt của khe, suối.</p> <p>4. <i>Thu hồi đất, bồi thường và TĐC</i></p> <p>Chủ yếu mong muốn nhận tiền mặt cho đất và tài sản bị ảnh hưởng.</p> <p>Mong muốn được bồi thường thỏa đáng, theo sát với giá thị trường</p> <p>Sẵn sàng bàn giao mặt bằng để phục vụ việc thi công</p> <p>5. <i>Ứng hộ dự án</i></p> <p>Người dân trong khu vực ủng hộ việc triển khai dự án</p> <p>Sẵn sàng đóng góp công sức, tạo điều kiện phối hợp với nhà thầu trong quá trình thi công</p> <p>Mong muốn dự án sớm được triển khai</p>
3	<p>✓ Thời gian tham vấn: 8/3/2013</p> <p>✓ Địa điểm tham vấn: xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang</p> <p>✓ Đối tượng tham vấn: Nhóm dân tộc Tày</p> <p>✓ Số người tham dự: 20</p> <p>✓ Kết quả tham vấn:</p> <p>6. <i>Một số nét đặc trưng về văn hóa:</i></p> <p>Người Tày có ngôn ngữ riêng và trang phục truyền thống riêng nhưng chỉ mặc vào dịp lễ hội. Giao tiếp hàng ngày trong gia đình bằng tiếng dân tộc. Những người trẻ có thể đọc và viết tiếng Việt thành thạo, còn người già bị hạn chế hơn. Đã sống hòa nhập với người Kinh từ lâu đời ở địa phương, không thể phân biệt được người Tày với người Kinh qua diện mạo của họ. Nghi lễ ma chay, tục lệ cưới xin của người Tày cũng có nhiều điểm giống người Kinh: cũng có lễ dạm ngõ, ăn hỏi, rước dâu... Nhưng cũng có những điểm khác biệt, thể hiện bản sắc văn hóa của một tộc người.</p> <p>7. <i>Các hoạt động sinh kế chính mang lại thu nhập chủ yếu cho hộ gia đình:</i></p> <p>Người dân địa phương chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động của hạn hán vào mùa khô và úng ngập vào mùa mưa. Ngoài ra, nguồn thu nhập phụ của các hộ dân là nghề thủ công truyền thống như đan len, dệt thổ cẩm, dịch vụ</p> <p>8. <i>Hiện trạng về hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch</i></p> <p>Hiện nay, đã có hệ thống thủy lợi nhưng chưa đồng bộ và đã bị xuống cấp. Chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước giếng khoan, nước mặt của khe, suối.</p> <p>9. <i>Thu hồi đất, bồi thường và TĐC</i></p>

	<p>Chủ yếu mong muốn nhận tiền mặt cho đất và tài sản bị ảnh hưởng.</p> <p>Mong muốn được bồi thường thỏa đáng, theo sát với giá thị trường</p> <p>Sẵn sàng bàn giao mặt bằng để phục vụ việc thi công</p> <p><i>10. Ủng hộ dự án</i></p> <p>Người dân trong khu vực ủng hộ việc triển khai dự án</p> <p>Sẵn sàng đóng góp công sức, tạo điều kiện phối hợp với nhà thầu trong quá trình thi công</p> <p>Mong muốn dự án sớm được triển khai</p>
4	<p>✓ Thời gian tham vấn: 9/3/2013</p> <p>✓ Địa điểm tham vấn: thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang</p> <p>✓ Đối tượng tham vấn: Nhóm dân tộc H'mong</p> <p>✓ Số người tham dự: 20</p> <p>✓ Kết quả tham vấn:</p> <p><i>11. Một số nét đặc trưng về văn hóa:</i></p> <p>Người H'mong có ngôn ngữ riêng và trang phục truyền thống riêng, ngày thường họ cũng mặc trang phục khác với người Kinh. Giao tiếp hàng ngày trong gia đình bằng tiếng dân tộc. Những người trẻ có thể đọc và viết tiếng Việt thành thạo, còn người già bị hạn chế hơn. Đã sống hòa nhập với người Kinh từ lâu đời ở địa phương. Nghi lễ ma chay, tục lệ cưới xin của người H'mong cũng có nhiều điểm khác biệt với người Kinh, thể hiện bản sắc văn hóa của một tộc người.</p> <p><i>12. Các hoạt động sinh kế chính mang lại thu nhập chủ yếu cho hộ gia đình:</i></p> <p>Phần lớn người H'mong sống ở vùng núi cao nên nguồn sống chính của đồng bào là làm nương du canh và nương du cư, trồng lúa trồng ngô, ở một vài nơi có ruộng bậc thang. Cây lương thực chính là ngô và lúa nương, lúa mạch. Ngoài ra đồng bào còn trồng lanh để lấy sợi dệt vải và trồng cây dược liệu.</p> <p><i>13. Hiện trạng về hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch</i></p> <p>Hiện nay, đã có hệ thống thủy lợi nhưng chưa đồng bộ và đã bị xuống cấp. Chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước giếng khoan, nước mặt của khe, suối.</p> <p><i>14. Thu hồi đất, bồi thường và TĐC</i></p> <p>Chủ yếu mong muốn nhận tiền mặt cho đất và tài sản bị ảnh hưởng.</p> <p>Mong muốn được bồi thường thỏa đáng, theo sát với giá thị trường</p> <p>Sẵn sàng bàn giao mặt bằng để phục vụ việc thi công</p> <p><i>15. Ủng hộ dự án</i></p> <p>Người dân trong khu vực ủng hộ việc triển khai dự án</p>

Sẵn sàng đóng góp công sức, tạo điều kiện phối hợp với nhà thầu trong quá trình thi công Mong muốn dự án sớm được triển khai

Phụ lục 2: ĐỀ CƯƠNG MẪU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DTTS

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG

- I. Giới thiệu
- II. Tóm tắt Khung pháp lý áp dụng cho người DTTS
- III. Tóm tắt kết quả đánh giá xã hội.
- IV. Tóm tắt kết quả tham vấn với các cộng đồng DTTS
- V. Khung tham vấn với cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện dự án.
- VI. Kế hoạch hành động cho các biện pháp giảm thiểu hay bồi thường cho các tác động bất lợi của dự án.
- VII. Chi phí ước tính và kế hoạch cấp kinh phí thực hiện EMDP.
- VIII. Cơ chế giải quyết khiếu nại.
- IX. Cơ chế giám sát và đánh giá.